Hướng dẫn ASEAN về tăng cường quyền năng cho phụ nữ và trẻ em: Cung cấp các dịch vụ công tác xã hội có chất lượng cho những người có nguy cơ hoặc bị ảnh hưởng bởi bạo lực

asean

one vision
one identity
one community

Hướng dẫn ASEAN
về tăng cường quyền năng cho phụ nữ và trẻ em: Cung cấp các dịch vụ công tác xã hội có chất lượng cho những người có nguy cơ hoặc bị ảnh hưởng bởi bạo lực

Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập ngày 8 tháng 8 năm 1967.

Các quốc gia thành viên là Brunei Darussalam, Campuchia, Indonesia, Lào, Malaysia, Myanmar, Philippines, Singapore, Thái Lan và Việt Nam.

Ban Thư ký ASEAN có trụ sở tại Jakarta, Indonesia. Mọi thắc mắc, liên hệ:

Ban Thư ký ASEAN

Phòng Quan hệ Cộng đồng (CRD) 70A Jalan Sisingamangaraja

Jakarta 12100, Indonesia

Điện thoại: (62 21) 724-3372, 726-2991

Số fax: (62 21) 739-8234, 724-3504

E-mail: public@asean.org

Dữ liệu danh mục trong ấn phẩm:

Hướng dẫn ASEAN về tăng cường quyền năng cho phụ nữ và trẻ em: Cung cấp các dịch vụ công tác xã hội có chất lượng cho những người có nguy cơ hoặc bị ảnh hưởng bởi bạo lực. Jakarta: Ban Thư ký ASEAN, tháng 11/2023.

362.88

1. ASEAN – Phụ nữ và Trẻ em – Nhân viên Công tác xã hội

2. Bạo lực - Nhân viên dịch vụ xã hội - Hướng dẫn

ASEAN: Một Cộng đồng mang lại cơ hội cho tất cả mọi người

Nguồn ảnh:
Trang bìa: UN Women/Satu Bumi Jaya

Nội dung của ấn phẩm này có thể được trích dẫn hoặc in lại một cách tự do, miễn là có sự công nhận thích hợp và một bản sao tài liệu được in lại được gửi đến Phòng Quan hệ Cộng đồng (CRD) của Ban Thư ký ASEAN, Jakarta.

Thông tin chung về ASEAN có trên trang ASEAN: www.asean.org

Ấn phẩm này được thực hiện nhờ vào nguồn tài trợ của Văn phòng UNICEF khu vực Đông Á và Thái Bình Dương, Quỹ Dân số Liên hợp quốc (UNFPA) và UN Women.

© Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) 2023.
Đã đăng ký Bản quyền.

Mục lục

Lời tựa iv

Lời cảm ơn v

Từ viết tắt vi

1. Giới thiệu 1

2. Bối cảnh 2

3. Các khái niệm 3

4. Bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái ở khu vực ASEAN 6

5. Hoạt động công tác xã hội có chất lượng 9

5.1. Các cách tiếp cận và nguyên tắc chính của hoạt động công tác xã hội với phụ nữ và trẻ em bị bạo lực 9

5.2. Các loại hình hoạt động công tác xã hội chính 11

5.2.1. Công tác xã hội theo hướng thúc đẩy 11

5.2.2. Công tác xã hội theo hướng phòng ngừa 11

5.2.3. Công tác xã hội theo hướng ứng phó 12

5.2.4. Công tác xã hội theo hướng phục hồi 13

5.3. Sự cân bằng giữa lồng ghép và chuyên môn hóa trong dịch vụ công tác xã hội liên quan đến bạo lực đối với phụ nữ và bạo lực đối với trẻ em 13

5.4. Những điểm cần cân nhắc trong thiết kế và cung cấp dịch vụ công tác xã hội liên quan đến bạo lực đối với phụ nữ và bạo lực đối với trẻ em 16

6. Lập kế hoạch cho lực lượng cung cấp dịch vụ xã hội và các dịch vụ liên quan đến bạo lực đối với phụ nữ và bạo lực đối với trẻ em 21

7. Phát triển kiến thức và kỹ năng, chuyên nghiệp hóa lực lượng cung cấp dịch vụ xã hội trong các dịch vụ liên quan đến bạo lực đối với phụ nữ và bạo lực đối với trẻ em 24

8. Hỗ trợ lực lượng cung cấp dịch vụ xã hội cho dịch vụ liên quan đến bạo lực đối với phụ nữ và bạo lực đối với trẻ em 25

PHỤ LỤC 1: Cam kết khu vực và quốc gia về quyền con người, quyền trẻ em, bình đẳng giới và quyền an sinh xã hội 26

PHỤ LỤC 2. Các hướng dẫn khung toàn cầu về phòng ngừa và ứng phó với bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em 27

PHỤ LỤC 3. Khái niệm về lực lượng cung cấp dịch vụ xã hội 27

PHỤ LỤC 4: Tổng hợp các biện pháp ứng phó tích hợp của các Quốc gia thành viên ASEAN về bạo lực đối với phụ nữ và bạo lực đối với trẻ em 30

Lời tựa

“Hướng dẫn ASEAN về tăng cường quyền năng cho phụ nữ và trẻ em: Cung cấp các dịch vụ công tác xã hội có chất lượng cho những người có nguy cơ hoặc bị ảnh hưởng bởi bạo lực” là một cột mốc quan trọng hướng tới tăng cường phúc lợi, kết nối, khả năng phục hồi và an toàn của trẻ em các Quốc gia thành viên ASEAN.

Việc xây dựng Hướng dẫn này nhằm hỗ trợ triển khai Lộ trình ASEAN thực hiện Tuyên bố Hà Nội về Thúc đẩy công tác xã hội hướng đến một Cộng đồng ASEAN gắn kết và chủ động thích ứng. Mục tiêu của Hướng dẫn này là hỗ trợ các nhà hoạch định chính sách, nhà quản lý và thành viên của lực lượng cung cấp dịch vụ xã hội và các cơ quan liên quan ở các Quốc gia thành viên ASEAN thiết kế và cung cấp các dịch vụ công tác xã hội có chất lượng nhằm hỗ trợ phụ nữ và trẻ em bị bạo lực.

Chúng tôi tin tưởng rằng Hướng dẫn sẽ giúp ích cho các Quốc gia thành viên ASEAN (AMS) trong công tác hỗ trợ nhân viên xã hội và lực lượng cung cấp dịch vụ xã hội để hỗ trợ phụ nữ và trẻ em có nguy cơ hoặc bị ảnh hưởng bởi bạo lực. Chúng tôi cũng khuyến khích sử dụng Hướng dẫn như một tài liệu tham chiếu để xây dựng pháp luật, chính sách và công cụ để cung cấp các dịch vụ công tác xã hội có chất lượng trong lĩnh vực này.

Hội nghị quan chức cấp cao ASEAN về Phúc lợi xã hội và Phát triển (SOMSWD)

Lời cảm ơn

ASEAN trân trọng ghi nhận sự cống hiến và đóng góp tận tụy của những người tham gia xây dựng Hướng dẫn này. Chúng tôi xin ghi nhận cam kết và tinh thần trách nhiện cao của các đầu mối của Nhóm công tác kỹ thuật ASEAN về Xây dựng Hướng dẫn Khu vực về các dịch vụ thiết yếu cho nạn nhân của bạo lực đối với trẻ em và bạo lực đối với phụ nữ, và Hội nghị quan chức cấp cao ASEAN về Phúc lợi xã hội và Phát triển (SOMSWD), những người đã thúc đẩy hiện thực hóa Hướng dẫn này. Bên cạnh đó, để xây dựng Hướng dẫn, hai cuộc họp của Nhóm công tác kỹ thuật đã được tổ chức từ tháng 4 đến tháng 6 năm 2023.

Chúng tôi cũng đánh gia cao Ban Thư ký ASEAN (ASEC) trong việc điều phối quá trình xây dựng Hướng dẫn và điều phối các Quốc gia thành viên ASEAN (AMS) đóng góp cho Hướng dẫn.

Chúng tôi cảm ơn Văn phòng khu vực Đông Á và Thái Bình Dương của Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc (UNICEF), Quỹ Dân số Liên hợp quốc (UNFPA) và Cơ quan Liên hợp quốc về Bình đẳng giới và Trao quyền cho phụ nữ (UN Women) đã hỗ trợ tài chính và kỹ thuật trong quá trình xây dựng Hướng dẫn này.

Hội nghị quan chức cấp cao ASEAN về Phúc lợi xã hội và Phát triển (SOMSWD)

Từ viết tắt

AMS	Các Quốc gia thành viên ASEAN
ASEC	Ban Thư ký ASEAN
ASEAN	Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á
BLG	Bạo lực trên cơ sở giới
BLPN	Bạo lực đối với phụ nữ
BLTE	Bạo lực đối với trẻ em
CRC	Công ước Liên hợp quốc về Quyền Trẻ em
CRPD	Công ước về Quyền của Người khuyết tật
GSSWA	Liên minh lực lượng cung cấp dịch vụ xã hội toàn cầu
HIV/AIDS	Vi-rút suy giảm miễn dịch ở người/hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải
LHQ	Liên hợp quốc
NBBL	Người bị bạo lực
NGO	Tổ chức phi chính phủ
SKTT&TLXH	Sức khỏe tâm thần và tâm lý xã hội
SOMSWD	Hội nghị quan chức cấp cao ASEAN về Phúc lợi xã hội và Phát triển
SOPs	Quy trình vận hành tiêu chuẩn
ToT	Đào tạo giảng viên nguồn
UNFPA	Quỹ Dân số Liên hợp quốc
UNICEF	Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc
UN Women	Cơ quan Liên hợp quốc về Bình đẳng giới và Trao quyền cho phụ nữ

1. Giới thiệu

Tài liệu Hướng dẫn Khu vực này nhằm mục đích hỗ trợ các nhà hoạch định chính sách và các thành viên trong hệ thống cung cấp dịch vụ xã hội và các ngành liên quan ở các Quốc gia thành viên ASEAN để thiết kế và cung cấp dịch vụ công tác xã hội có chất lượng cho phụ nữ và trẻ em có nguy cơ hoặc đã từng bị bạo lực.

Tài liệu được biên soạn để hỗ trợ cho Tuyên bố Hà Nội về Thúc đẩy công tác xã hội hướng đến một Cộng đồng ASEAN gắn kết và chủ động thích ứng được thông qua năm 2020 và Lộ trình thực hiện Tuyên bố Hà Nội về Thúc đẩy công tác xã hội hướng đến một Cộng đồng ASEAN gắn kết và chủ động thích ứng (sau đây gọi là *"Lộ trình"*)[1] kèm theo.

Tài liệu Hướng dẫn Khu vực này:

- Cân nhắc tính đa dạng của các Quốc gia thành viên ASEAN để đảm bảo sự phù hợp trong từng bối cảnh - phần Phụ lục sẽ cung cấp ví dụ theo từng quốc gia cụ thể.
- Mô tả những lưu ý quan trọng trong việc tăng cường hệ thống công tác xã hội để giải quyết và phòng ngừa tình trạng bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em xuyên suốt các hoạt động thúc đẩy, phòng ngừa và ứng phó, công nhận rằng để có một hệ thống công tác xã hội vững chắc, cần có một đội ngũ chuyên nghiệp và cách tiếp cận đa ngành để phòng ngừa và ứng phó với bạo lực.
- Công nhận các yếu tố đặc thù và giao thoa có thể gia tăng rủi ro bị bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em. Chẳng hạn, nghèo đói, độ tuổi, tình trạng khuyết tật, tình trạng mối quan hệ, trách nhiệm chăm sóc, mối liên hệ tôn giáo, dân tộc hoặc chính trị, tình trạng công dân và di cư.
- Nhấn mạnh tầm quan trọng của việc áp dụng tài liệu Hướng dẫn trên tại khu vực Đông Nam Á, một trong những khu vực dễ xảy ra thiên tai nhất trên thế giới.[2] Các tình huống khẩn cấp, xảy ra do xung đột, thiên tai hay các cuộc khủng hoảng khác, có thể làm trầm trọng thêm tình trạng bất bình đẳng và phân biệt đối xử vốn có, và trên hết là gia tăng khả năng phụ nữ và trẻ em bị bạo lực. Do đó, tài liệu Hướng dẫn khu vực này có thể áp dụng xuyên suốt các lĩnh vực nhân đạo-phát triển-hòa bình;[3]
- Bổ sung cho các cam kết cấp quốc gia, khu vực và toàn cầu hiện có về quyền con người, quyền trẻ em, bình đẳng giới, an sinh xã hội (xem Phụ lục 1 và 2).

1. Tuyên bố Hà Nội về Thúc đẩy công tác xã hội hướng đến một Cộng đồng ASEAN gắn kết và chủ động thích ứng năm 2020. Lộ trình thực hiện Tuyên bố Hà Nội về Thúc đẩy công tác xã hội hướng đến một Cộng đồng ASEAN gắn kết và chủ động thích ứng.
2. Khung hoạt động khu vực ASEAN về Bảo vệ, Giới, Hòa nhập và Quản lý thiên tai giai đoạn 2021-2025. Jakarta, Ban thư ký ASEAN, tháng 10/2021.
3. Ủy ban Thường trực liên cơ quan (2015). Hướng dẫn lồng ghép can thiệp bạo lực trên cơ sở giới trong hành động nhân đạo nhằm giảm thiểu rủi ro, thúc đẩy khả năng chống chịu và hỗ trợ phục hồi.

2. Bối cảnh

Các Quốc gia thành viên ASEAN đã thông qua Tuyên bố Hà Nội về Thúc đẩy công tác xã hội hướng đến một Cộng đồng ASEAN gắn kết và chủ động thích ứng vào năm 2020. Tuyên bố công nhận nhu cầu cần củng cố lực lượng cung cấp dịch vụ xã hội hỗ trợ cho nhóm đối tượng dễ bị tổn thương cụ thể, trong đó có phụ nữ và trẻ em có nguy cơ hoặc đã bị bạo lực. Đi kèm là Lộ trình thực hiện Tuyên bố Hà Nội về Thúc đẩy công tác xã hội hướng đến một Cộng đồng ASEAN gắn kết và chủ động thích ứng, phù hợp với khung toàn cầu về ngăn chặn, ứng phó với bạo lực (xem Phụ lục 2), và kêu gọi tăng cường hệ thống công tác xã hội toàn diện để cung cấp dịch vụ đáp ứng nhu cầu cụ thể của nhóm đối tượng dễ bị tổn thương và có nguy cơ nhất, bao gồm cả trẻ em và phụ nữ có nguy cơ hoặc từng bị bạo lực. Lộ trình xác định một số ưu tiên liên quan đến phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trong công tác xã hội:

- Ưu tiên 1.1: Thực hiện các phân tích bối cảnh quốc gia và đánh giá nhu cầu theo tình trạng khuyết tật, giới và độ tuổi về công tác xã hội và dịch vụ xã hội.

- Ưu tiên 1.2: Xây dựng và thông qua kế hoạch hành động đa ngành cấp quốc gia có kèm theo tính toán kinh phí để từng bước phát triển và củng cố công tác xã hội và dịch vụ xã hội, dựa trên nhu cầu đã đánh giá, bao gồm cả nguồn nhân lực cần có.

- Ưu tiên 1.3: Xây dựng và thông qua luật dành riêng cho nghề công tác xã hội, trong đó cũng công nhận và củng cố lực lượng cung cấp dịch vụ xã hội rộng lớn hơn. Đảm bảo quy định pháp luật trong các ngành khác cũng xác định rõ vai trò, trách nhiệm, yêu cầu của công tác xã hội trong ngành đó, nếu thích hợp. Trường hợp đã có các văn bản pháp luật liên quan, các Quốc gia thành viên ASEAN được khuyến khích xem xét và nếu cần thiết, sửa đổi pháp luật hiện tại nhằm đảm bảo sự phù hợp với tình hình thực tế của công tác xã hội và phát triển lực lượng cung cấp dịch vụ xã hội trong nước.

- Ưu tiên 1.7: Xây dựng Hướng dẫn khu vực về các dịch vụ thiết yếu cho nhóm đối tượng có hoàn cảnh dễ bị tổn thương để hỗ trợ các Quốc gia thành viên ASEAN.

3. Các khái niệm

Khái niệm	Mô tả	Nguồn
Kết hôn trẻ em	Kế hoạch hành động khu vực ASEAN về xóa bỏ bạo lực đối với trẻ em (BLTE) công nhận tảo hôn hoặc hôn nhân cưỡng bức là một hình thức BLTE. Là việc kết hôn chính thức hay chung sống không chính thức giữa trẻ em dưới 18 tuổi với một người lớn hoặc một trẻ khác.	Kế hoạch hành động khu vực ASEAN về xóa bỏ BLTE https://www.unicef.org/protection/child-marriage
Các dịch vụ thiết yếu	Bao gồm một tập hợp các dịch vụ cốt lõi cung cấp bởi ngành y tế, xã hội, công an và tư pháp. Ở mức tối thiểu, các dịch vụ phải đảm bảo quyền, sự an toàn và phúc lợi của mọi phụ nữ hoặc trẻ em gái bị bạo lực trên cơ sở giới (BLG).	Chương trình chung toàn cầu của Liên hợp quốc về Các dịch vụ thiết yếu cho phụ nữ và trẻ em gái bị bạo lực (2015)
Bạo lực trên cơ sở giới (BLG)	Bạo lực nhắm vào một người vì giới của người đó hoặc bạo lực ảnh hưởng đến những người với giới tính cụ thể. BLG là một thuật ngữ bao trùm chỉ bất kỳ hành vi có hại nào gây ra trái với ý muốn của một người và dựa trên sự khác biệt có tính chất xã hội (v.d: giới) giữa nam và nữ. BLG bao gồm hành vi hoặc đe dọa thực hiện các hành vi gây ra tổn hại hay tổn thương về thể chất, tình dục hay tâm lý, hành vi cưỡng ép và hành vi tước đoạt tự do khác. Những hành vi này có thể xảy ra ở nơi công cộng hoặc riêng tư.	https://gbvguidelines.org/
Bạo lực do bạn tình gây ra	Là hành vi trong một mối quan hệ thân mật gây tổn hại về thể chất, tâm lý hoặc tình dục cho những người trong mối quan hệ đó. Bao gồm hành vi bạo lực thể chất, như tát, đánh, đá, đập; Bạo lực tình dục, bao gồm cưỡng ép quan hệ tình dục và các hình thức ép buộc tình dục khác; Xâm hại tinh thần (tâm lý), như nhục mạ, hạ thấp, thường xuyên sỉ nhục, đối xử im lặng, đe dọa (v.d: phá hỏng đồ đạc), đe dọa gây tổn hại, đe dọa mang con đi, xa cách hoặc ngừng quan tâm khi đang có bất đồng; Kiểm soát hành vi, như tách biệt một người khỏi gia đình và bạn bè, giám sát việc đi lại và hạn chế một người tiếp cận nguồn lực tài chính, việc làm, giáo dục hay chăm sóc y tế.	Tổ chức Y tế Thế giới (2012) Tìm hiểu và giải quyết bạo lực đối với phụ nữ (BLPN) - bạo lực do bạn tình gây ra.

Khái niệm	Mô tả	Nguồn
Người gây bạo lực	Một người (hoặc nhóm người) thực hiện hành vi BLG hoặc các hình thức phạm tội hoặc vi phạm pháp luật khác. Theo Luật Quốc tế về Quyền con người, thuật ngữ "người gây bạo lực" cũng có thể nói đến các cơ quan, tổ chức hoặc chủ thể nhà nước không đáp ứng được các nghĩa vụ về quyền con người.	Thuật ngữ của Liên hợp quốc về bóc lột và lạm dụng tình dục tái bản lần 2, Nhóm chuyên trách về thuật ngữ bóc lột và lạm dụng tình dục cho Điều phối viên Chuyên trách về nâng cao năng lực ứng phó của các cơ quan Liên hợp quốc về bóc lột và lạm dụng tình dục (2017) LHQ, Thuật ngữ về bóc lột và lạm dụng tình dục, 2017
Lực lượng cung cấp dịch vụ xã hội	Bao gồm các cán bộ chuyên trách và bán chuyên thuộc chính phủ và phi chính phủ, cùng tình nguyện viên cấp cộng đồng, là những người làm việc với trẻ em, thanh thiếu niên, nam nữ trưởng thành, người cao tuổi, gia đình và cộng đồng, tập trung vào những người có nhu cầu bổ sung, đang ở trong tình huống hoặc có nguy cơ dễ bị tổn thương, để bảo vệ và đảm bảo sự phát triển lành mạnh, phúc lợi và thực hiện quyền của họ. Để làm được điều này, lực lượng cung cấp dịch vụ xã hội cần mang lại dịch vụ có tính phòng ngừa, ứng phó và thúc đẩy, dựa trên hiểu biết về khoa học xã hội và nhân văn, kiến thức bản địa, kiến thức và kỹ năng liên ngành và cụ thể theo chuyên ngành, cùng các nguyên tắc đạo đức. Để xem phần còn lại của định nghĩa về lực lượng cung cấp dịch vụ xã hội, xem Phụ lục 3.	Điều IV, Lộ trình thực hiện Tuyên bố Hà Nội về Thúc đẩy công tác xã hội hướng đến một Cộng đồng ASEAN gắn kết và chủ động thích ứng.

4. Liên minh lực lượng cung cấp dịch vụ xã hội toàn cầu. Định nghĩa toàn cầu về Công tác xã hội. (2014).

Khái niệm	Mô tả	Nguồn
Nhân viên công tác xã hội	Các cán bộ chuyên trách có bằng cấp học thuật, thúc đẩy thay đổi và phát triển xã hội, gắn kết xã hội và tăng quyền năng cho mọi người. Tuy nhiên, ở nhiều quốc gia, thuật ngữ "nhân viên công tác xã hội" được sử dụng theo nghĩa chung để nói đến những người có thể đang cung cấp những dịch vụ này nhưng thiếu bằng cấp chính quy.[4] Nhân viên công tác xã hội làm việc với các nhóm cụ thể hoặc về vấn đề cụ thể, thường liên quan đến tương tác với các cá nhân và nhóm dân số từng chịu tổn thương. Chính vì vậy, họ có những kỹ năng cụ thể phù hợp với những nhu cầu này, cần thiết để đảm bảo cách tiếp cận không gây hại. Nhân viên công tác xã hội cũng thường đóng vai trò chủ chốt trong việc điều phối giữa các cơ quan, phát triển hệ thống, cũng như xây dựng, thực hiện và giám sát chính sách.	Tham khảo Liên minh lực lượng cung cấp dịch vụ xã hội toàn cầu, định nghĩa về lực lượng
Nạn nhân và người bị bạo lực (NBBL)	Nạn nhân hoặc NBBL đều được dùng để chỉ phụ nữ và trẻ em (gái) đã hoặc đang bị bạo lực, cả hai thuật ngữ được được dùng trong quy trình pháp lý và quyền tự quyết của những phụ nữ và trẻ em gái này trong tìm kiếm các dịch vụ thiết yếu	Nghiên cứu chuyên sâu của Tổng thư ký LHQ về tất cả các hình thức BLPN (A/61/122/Add.1) Đoạn 21
Bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái	Bất kỳ hành vi BLG gây ra hoặc có khả năng gây tổn hại, đau khổ về thể chất, tình dục hoặc tâm lý, bao gồm cả hành vi đe dọa thực hiện các hành vi đó, cưỡng ép hoặc tự ý tước đoạt tự do, bất kể ở nơi công cộng hay trong đời tư.	Đại hội đồng Liên hợp quốc, 1993, Tuyên bố xóa bỏ BLPN.
Bạo lực đối với trẻ em	Theo điều 19, Công ước Liên hợp quốc về Quyền Trẻ em, thuật ngữ bạo lực là bất kỳ hành vi nào thực hiện đối với trẻ em, gây ra tổn hại, thương tích, xâm hại, sao nhãng hoặc đối xử bỏ bê, ngược đãi, và/hoặc bóc lột, cho dù được chấp nhận theo "truyền thống" hay trá hình dưới dạng "biện pháp kỷ luật", bao gồm cả việc cản trở sự phát triển của trẻ em.	Công ước Liên hợp quốc về Quyền trẻ em

4. Bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái ở khu vực ASEAN

Bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em là một trong những hành vi xâm phạm quyền con người phổ biến nhất trên thế giới. Nghiên cứu đa quốc gia năm 2013 về BLPN khu vực châu Á - Thái Bình Dương, cho thấy một tỷ lệ đáng kể bạo lực do nam giới gây ra cho bạn tình của mình, với số liệu giữa các quốc gia dao động từ 26% đến 80%.[5] Phụ nữ trưởng thành là người khuyết tật có khả năng bị xâm hại về thể chất và tình dục cao hơn ít nhất 1,5 lần so với phụ nữ không bị khuyết tật.[6]

Theo nghiên cứu do UNICEF thực hiện làm cơ sở để xây dựng Kế hoạch hành động khu vực ASEAN về xóa bỏ BLTE, ước tính tỷ lệ trẻ em trai và trẻ em gái bị xâm hại thể chất trong khu vực dao động từ 10-30,3%; số liệu đối với xâm hại tình dục là từ 1,7-11,6%; xâm hại tinh thần là từ 31,3-68,5%; và lao động trẻ em là 6,5-56%. Hơn nữa, cứ bốn trẻ em trong khu vực thì có ba trẻ chịu hình thức kỷ luật bạo lực bởi chính thầy, cô giáo hoặc cha, mẹ mình.

Các nền tảng truyền thông xã hội và công nghệ số khác dẫn đến việc gia tăng các hình thức và biểu hiện mới của bạo lực với phụ nữ và trẻ em, đồng thời làm trầm trọng thêm những hình thức bạo lực đã có từ trước về mặt quy mô, tốc độ, phạm vi, trong quá trình xảy ra bạo lực. Theo một nghiên cứu gần đây, trên toàn cầu có 85% phụ nữ và trẻ em gái đã từng bị hoặc chứng kiến một số hình thức BLG trên không gian mạng hoặc bạo lực có sử dụng công nghệ, và tỷ lệ bạo lực trên mạng đối với phụ nữ ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương là 88%.[7]

Tuy tất cả phụ nữ và trẻ em đều có nguy cơ bị bạo lực, những nguy cơ có thể gia tăng hay nghiêm trọng hơn trong một số tình huống. Nguy cơ bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em cao hơn ngay sau khi xảy ra thiên tai hoặc khủng hoảng, dẫn đến gia tăng tỷ lệ kết hôn trẻ em, bạo lực gia đình và quấy rối tình dục.[8] Trẻ em trong cơ sở chăm sóc tập trung, bị giam giữ, trong bối cảnh di cư hoặc sống và lao động trên đường phố cũng gặp nguy cơ cao hơn.

Nhiều nhóm phụ nữ phải chịu đựng nhiều hình thức phân biệt đối xử và bất bình đẳng. Các hình thức này thường đan xen với nhau dẫn đến việc họ đặc biệt dễ bị bạo lực. Nhóm phụ nữ này bao gồm phụ nữ khuyết tật; phụ nữ nhiễm hoặc bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS; trẻ em gái; phụ nữ cao tuổi; phụ nữ người dân tộc thiểu số và/hoặc người bản địa; phụ nữ vi phạm pháp luật; phụ nữ tị nạn và ly tán; phụ nữ di cư có và không có giấy tờ; phụ nữ không có quốc tịch, người bảo vệ quyền cho phụ nữ/người ủng hộ bình đẳng giới, và phụ nữ bị buôn bán phục vụ lao động cưỡng bức hoặc bóc lột tình dục.

Bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gây ra hậu quả nghiêm trọng về sức khỏe, như tử vong, tổn hại thể chất ngay lập tức, mang thai ngoài ý muốn, nhiễm các bệnh lây truyền qua đường tình dục, căng thẳng sau sang chấn và các vấn đề lâu dài về sức khỏe tâm thần. Việc bị bạo lực khi còn nhỏ, đặc biệt là bạo lực tình dục, có thể dẫn đến những hành vi gây hại như hút thuốc, lạm dụng chất kích thích và hành vi tình dục nguy hiểm. “Điều này cũng liên quan đến việc gây ra hành vi bạo lực (đối với nam) và trở thành người bị bạo lực (đối với nữ).[9]

BLPN và BLTE có chung một số yếu tố nguy cơ, được duy trì bởi những chuẩn mực xã hội có hại, thường xảy

5. Fulu, E., Warner, X., Miedema, S., Jewkes, R., Roselli, T. và Lang, J. (2013). Tại sao một số đàn ông có hành vi bạo lực phụ nữ và làm thế nào để ngăn chặn điều này? Kết quả nghiên cứu định tính từ Nghiên cứu đa quốc gia của LHQ về nam giới và tình hình bạo lực khu vực châu Á - Thái Bình Dương: UNDP, UNFPA, UN Women và UNV.
6. Ủy ban Kinh tế và Xã hội Liên hợp quốc khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Khuyết tật ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương - Thực trạng.
7. Đơn vị Tình báo kinh tế. Đo lường mức độ phổ biến của bạo lực trực tuyến đối với phụ nữ.
8. Kế hoạch Hành động về Chấm dứt BLPN khu vực ASEAN. (2016).
9. Tổ chức Y tế Thế giới. (9 tháng 3 năm 2021). BLPN.

ra đồng thời và có những hậu quả chung và phức hợp gây ra những ảnh hưởng liên thế hệ.[10] Giai đoạn vị thành niên có thể là giai đoạn đặc biệt nguy hiểm cho trẻ em gái. Những rào cản tiếp cận dịch vụ mà nhiều phụ nữ, trẻ em gặp phải có thể hạn chế lựa chọn và cơ hội được cuộc sống không bạo lực.

Các yếu tố rủi ro chung của cả phụ nữ và trẻ em gồm có bất bình đẳng và phân biệt đối xử trên cơ sở giới và tình trạng khuyết tật, xung đột và khủng hoảng, thiếu các thể chế đáp ứng và chế tài pháp lý lỏng lẻo, sự thống trị của nam giới trong gia đình và cộng đồng, cũng như xung đột trong hôn nhân.[11]

Chuẩn mực xã hội: Bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em xảy ra trong bối cảnh các quan niệm, giá trị liên quan đến tính nam, tính nữ, gia đình và văn hóa. Những chuẩn mực xã hội thúc đẩy bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em bao gồm những chuẩn mực dung túng cho hình thức kỷ luật bằng bạo lực, thúc đẩy tính nam trên cơ sở bạo lực và kiểm soát, đặt danh tiếng gia đình lên trên quyền và sự lựa chọn của từng thành viên trong gia đình, đổ lỗi cho NBBL, cổ súy cho bất bình đẳng giới. Những chuẩn mực xã hội này không chỉ định hình nên mối quan hệ giữa nam và nữ, mà còn cả giữa cha mẹ, người chăm sóc và trẻ em.[12]

Sự giao thoa giữa BLPN và BLTE

Xảy ra đồng thời. Bạo lực do bạn tình gây ra và lạm dụng hay ngược đãi trẻ em thường xảy ra đồng thời trong gia đình.[13] Trẻ em trong gia đình có cha bạo lực mẹ thường bị ảnh hưởng về mặt cảm xúc do chứng kiến bạo lực, ít được bảo vệ khỏi bạo lực hơn, và thường phải chịu hình thức kỷ luật bạo lực từ cả người chăm sóc là nam và nữ.[14]

Các tác động chung và phức hợp để lại tác động lâu dài về mặt xã hội và sức khỏe.[15] Bạo lực do bạn tình gây ra liên quan đến tình trạng sinh nhẹ cân, tỷ lệ tử vong ở trẻ dưới 5 tuổi cao hơn, cũng những tác động tiêu cực lên sức khỏe tâm thần và quá trình phát triển xã hội của trẻ em.[16]

Tác động liên thế hệ. Bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em có thể dẫn đến những tác động liên thế hệ. Điều này sẽ làm tăng nguy cơ con cái họ gây ra hoặc chịu các hình thức bạo lực khác nhau khi trưởng

Nguồn: Guedes, A, và cộng sự. (2006). Thu hẹp khoảng cách: Đánh giá toàn cầu về sự giao thoa giữa BLPN và BLTE. Tạp chí Global Health Action, Tập 9.

10. Guedes, A., Bott, S., Garcia-Moreno, C., Colombini, M. (2016). Thu hẹp khoảng cách: Đánh giá toàn cầu về sự giao thoa giữa BLPN và BLTE. Tạp chí Global Health Action, Tập 9,. 31516. Các bằng chứng gần đây trong khu vực bao gồm: Văn phòng khu vực Đông Á và Thái Bình Dương của UNICEF, Văn phòng khu vực châu Á và Thái Bình Dương của UNFPA và Văn phòng UN Women khu vực châu Á - Thái Bình Dương (2021). Chấm dứt bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em ở châu Á và Thái Bình Dương: Cơ hội và thách thức đối với các phương pháp tiếp cận hợp tác và hội nhập. Bangkok: UNICEF, UNFPA và UN Women. Và S. Spaid Miedema và A.T.Kyaw. (2022). Bạo lực phụ nữ liên thế hệ bởi bạn tình và lạm dụng trẻ em trong gia đình ở Miến Điện (Myanmar). SSM - Sức khỏe dân số, Tập 17, 2022.
11. Như trên.
12. Matthews S. Makola L & Megganon V (2021). Xâu chuỗi sự kiện: Cung cấp thông tin cho sự hiểu biết và ứng phó trước sự giao thoa giữa bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em. Cape Town: Viện Trẻ em, Đại học Cape Town.
13. Guedes, A., Bott, S., Garcia-Moreno, C., Colombini, M. (2016). Thu hẹp khoảng cách: Đánh giá toàn cầu về sự giao thoa giữa BLPN và BLTE. Tạp chí Global Health Action, Tập 9,. 31516.
14. UNFPA và UNICEF (2018). Mối tương quan giữa: Bạo lực do bạn tình gây ra và BLTE ở Đông Âu và Trung Á. Istanbul và Geneva: UNFPA và UNICEF.
15. Wathen CN, Macmillan HL (2013). Rủi ro đối với trẻ em trong nạn bạo lực do bạn tình gây ra: tác động và can thiệp. Sức khỏe Trẻ em Nhi khoa 2013;18: 41922.
16. Guedes, A., Bott, S., Garcia-Moreno, C., Colombini, M. (2016). Thu hẹp khoảng cách: Đánh giá toàn cầu về sự giao thoa giữa BLPN và BLTE. Tạp chí Global Health Action, Tập 9,. 31516.

thành, từ đó tiếp diễn chu kỳ bạo lực liên thế hệ đối với phụ nữ và trẻ em.[17]

Vị thành niên là giai đoạn đặc biệt dễ bị tổn thương trước bạo lực. Phân biệt đối xử trên cơ sở tuổi tác và giới có sự giao thoa với nhau, đặt trẻ em gái vị thành niên vào tình thế có nguy cơ bị bạo lực cao hơn, bao gồm cả bạo lực gây ra bởi chồng hoặc bạn tình trong mối quan hệ phi chính thức.[18] Kết hôn trẻ em và mang thai sớm có liên quan đến nguy cơ cao bị bạo lực bởi bạn tình, trong khi có một số bằng chứng cho thấy những em gái làm mẹ ở tuổi vị thành niên có rủi ro bị ngược đãi cao hơn. Mặc dù vậy, trẻ vị thành niên thường bị bỏ qua trong quá trình xây dựng chương trình phòng ngừa và ứng phó với bạo lực[19] và rơi vào những khoảng trống của các chương trình này, vì vậy cần có sự phối hợp chặt chẽ và xây dựng chương trình phù hợp. Họ gặp thêm các rào cản khi tiếp cận dịch vụ có chất lượng do sự kết hợp giữa phân biệt đối xử, kỳ thị theo tuổi tác và giới,[20] và thường không có nhiều dịch vụ hay chương trình dành riêng cho đối tượng này.[21]

Rào cản tiếp cận. Phụ nữ và trẻ em bị bạo lực đối mặt với nhiều rào cản khi tiếp cận dịch vụ. Việc thiếu những dịch vụ lấy phụ nữ và trẻ em làm trung tâm, cũng như thái độ phân biệt đối xử của các đơn vị cung cấp dịch vụ tuyến đầu đã cản trở việc tìm kiếm trợ giúp và tiếp cận chăm sóc có khả năng cứu sống tính mạng. Để có sự tiếp cận thực chất, các dịch vụ bảo vệ và đáp ứng cần phải an toàn, bảo mật, hòa nhập và không phân biệt đối xử, tôn trọng nguyên tắc vì lợi ích tốt nhất của trẻ, và áp dụng cách tiếp cận lấy NBBL làm trung tâm, bao gồm hỗ trợ quyền trẻ em được tham gia thực chất và quyền phụ nữ được tự quyết về sự chăm sóc dành cho mình.[22] Các rào cản về tiếp cận thậm chí còn gây ra nhiều khó khăn hơn cho phụ nữ và trẻ em phải đối mặt với các hình thức phân biệt đối xử giao thoa trên cơ sở tình trạng khuyết tật, tình trạng quan hệ và trách nhiệm chăm sóc, quyền công dân và tình trạng di cư, cũng như mối liên hệ về tôn giáo, dân tộc, hoặc chính trị.

Thảm họa và bối cảnh khẩn cấp. Phụ nữ và trẻ em, đặc biệt là nhóm đối tượng khuyết tật, thường có nguy cơ bị bạo lực và bóc lột cao hơn khi xảy ra thảm họa và các tình huống khẩn cấp khác, cũng như một khoảng thời gian sau đó trong giai đoạn phục hồi, và đây nên là ưu tiên chính trong hành động ứng phó khẩn cấp.[23]

17. Như trên.
18. Kidman, R. (2016). Kết hôn trẻ em và Bạo lực do bạn tình gây ra: Nghiên cứu so sánh về 34 quốc gia. Tạp chí quốc tế về Dịch tễ học, tập 46, số 2, tr. 662-675.
19. Ủy ban Tị nạn Phụ nữ (2014). Tôi ở đây: Trẻ em gái vị thành niên trong tình huống khẩn cấp: Cách tiếp cận và các công cụ để nâng cao hành động ứng phó. Ủy ban Tị nạn Phụ nữ và USAID.
20. UNFPA. (2009). Bộ công cụ về sức khỏe tình dục và sinh sản cho trẻ vị thành niên trong bối cảnh hoạt động nhân đạo. New York: UNFPA và Save The Children. Tháng 9 năm 2019
21. UNICEF khu vực Đông Á và Thái Bình Dương, UNFPA khu vực châu Á và Thái Bình Dương, và Văn phòng UN Women khu vực châu Á - Thái Bình Dương (2021). Chấm dứt bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em ở châu Á và Thái Bình Dương: Cơ hội và thách thức đối với các phương pháp tiếp cận hợp tác và hội nhập. Bangkok: UNICEF, UNFPA và UN Women.
22. UNFPA. Các tiêu chuẩn tối thiểu liên cơ quan về BLG trong xây dựng chương trình trong bối cảnh khẩn cấp. New York: Ủy ban Cứu hộ Quốc tế, UNFPA.
23. Bhalla, Priyanka (2019). Trách nhiệm ngăn chặn và ứng phó với bạo lực tình dục, BLG trong thảm họa và khủng hoảng, Hiệp hội Chữ thập đỏ và Trăng lưỡi liềm đỏ Quốc tế.

5. Hoạt động công tác xã hội có chất lượng

Những nguyên tắc và cách tiếp cận căn bản hỗ trợ cho hoạt động công tác xã hội có chất lượng liên quan đến phụ nữ và trẻ em tiếp xúc với bạo lực bao gồm cách tiếp cận công tác xã hội theo hướng thúc đẩy, phòng ngừa và ứng phó. Cách tiếp cận này cần được thực hiện bởi một lực lượng lao động có chuyên môn như đã đề ra trong Lộ trình ASEAN. Hoạt động công tác xã hội cũng cần được định hướng theo tài liệu Gói dịch vụ thiết yếu dành cho phụ nữ và trẻ em gái bị bạo lực,[24] nhằm mục đích tạo sự tiếp cận tốt hơn tới một loạt dịch vụ phối kết hợp đa ngành thiết yếu, có chất lượng cho phụ nữ và trẻ em gái từng bị BLG. Thông qua đảm bảo luôn sẵn có các dịch vụ thiết yếu, như y tế, tư vấn, hỗ trợ pháp lý, chỗ ở an toàn và cơ hội nâng cao quyền kinh tế, các cán bộ chuyên trách có thể cung cấp các dịch vụ hỗ trợ toàn diện, chất lượng cao cho NBBL trong quá trình phục hồi lâu dài và tăng quyền năng cho họ.

5.1. Các cách tiếp cận và nguyên tắc chính của hoạt động công tác xã hội với phụ nữ và trẻ em bị bạo lực

Cách tiếp cận dựa trên quyền: Quyền được sống một cuộc sống không có bạo lực là quyền quan trọng nhất của phụ nữ và trẻ em. Đặt trọng tâm vào quyền con người là điều cần thiết để cung cấp dịch vụ thiết yếu một cách có chất lượng, đặc biệt là khi giải quyết bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái. Cách tiếp cận này công nhận rằng các Quốc gia thành viên ASEAN có trách nhiệm chính trong việc ủng hộ quyền của phụ nữ và trẻ em gái, bao gồm cả quyền có cuộc sống không bạo lực và sợ hãi. Cách tiếp cận dựa trên quyền con người yêu cầu các dịch vụ cần ưu tiên sự an toàn và phúc lợi của phụ nữ, trẻ em và đối xử với họ theo cách bảo vệ phẩm giá, tôn trọng và nhạy cảm. Cách tiếp cận này cũng kêu gọi hướng tới các tiêu chuẩn dịch vụ cao nhất - dịch vụ chất lượng tốt, luôn sẵn sàng, dễ tiếp cận và được chấp nhận với tất cả phụ nữ và trẻ em.

Lợi ích tốt nhất của trẻ em. Điều 3, đoạn 1, Công ước Liên hợp quốc về Quyền Trẻ em quy định lợi ích tốt nhất của trẻ em phải là mối quan tâm hàng đầu trong mọi quyết định liên quan tới phúc lợi của trẻ em.[25]

Năng lực phát triển của trẻ em. Điều 5, Công ước Liên hợp quốc về Quyền Trẻ em đưa ra ý kiến rằng trẻ em cần được thực hiện quyền của mình khi có đủ năng lực để làm điều đó. Các Quốc gia Thành viên cần xem xét đến quyền này khi quy định độ tuổi tối thiểu cho một vấn đề cụ thể. Hiểu rõ năng lực phát triển là điều cơ bản để đánh giá mức độ trưởng thành và năng lực của trẻ em trong việc ra quyết định. Điều này giúp nhân viên công tác xã hội có thể bảo vệ tối đa cho trẻ em khỏi bị tổn hại, đồng thời bồi dưỡng quyền tự chủ và tự do phát biểu của các em.

Cách tiếp cận mang tính nhạy cảm giới: Vì bất bình đẳng giới và phân biệt đối xử vừa là nguyên nhân gốc rễ, vừa là hậu quả của bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em, nên các dịch vụ cần đảm bảo có những chính sách, thực hành mang tính nhạy cảm và đáp ứng giới. Các dịch vụ phải đảm bảo không dung túng, bỏ qua hay tiếp diễn hành vi bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em.

24. Chương trình chung toàn cầu của Liên hợp quốc về các dịch vụ thiết yếu cho phụ nữ và trẻ em gái bị bạo lực (2015).
25. Ủy ban về Quyền trẻ em (2013), Bình luận chung số 14 (2013) về trẻ em có quyền được đưa lợi ích tốt nhất của mình làm mối quan tâm hàng đầu (điều 3, đoạn 1).

Cách tiếp cận hòa nhập khuyết tật: phụ nữ và trẻ em khuyết tật đang đối mặt với sự phân biệt đối xử và bất bình đẳng kép không chỉ do họ là phụ nữ và/hoặc trẻ em mà còn do họ là người khuyết tật. Do đó, dịch vụ công tác xã hội phải xem xét đến nhu cầu của phụ nữ, trẻ em khuyết tật, như môi trường và cơ sở vật chất dễ tiếp cận, ngôn ngữ ký hiệu, các thiết bị hỗ trợ tăng cường, cách tiếp cận khác đối với phụ nữ, trẻ em khuyết tật trí tuệ, tiếp cận nhạy cảm với sức khỏe tâm thần, và quan trọng nhất là môi trường an toàn, không có phân biệt đối xử, sự coi thường, phớt lờ, giả định hay định kiến với nhóm đối tượng này trong quá trình cung cấp dịch vụ.

Tùy vào độ tuổi và năng lực, tất cả NBBL là phụ nữ và trẻ em cần có quyền từ chối dịch vụ hoặc quyết định sử dụng dịch vụ nào, và thời điểm trình báo sự việc bạo lực. Họ cần được cung cấp thông tin về tất cả các dịch vụ hiện có và mọi rủi ro có thể xảy ra khi sử dụng các dịch vụ đó. Đơn vị cung cấp dịch vụ chỉ nên thực hiện chuyển gửi khi có sự đồng ý của NBBL sau khi có đầy đủ thông tin. Tương tự, các đơn vị dịch vụ cũng chỉ nên chia sẻ dữ liệu về NBBL sau khi đã cung cấp đầy đủ thông tin và có sự đồng ý của NBBL.[26] Điều 12, Công ước LHQ về Quyền của Người khuyết tật (CRPD) đề cập đến quyền được công nhận bình đẳng trước pháp luật và khẳng định rằng người khuyết tật được hưởng năng lực pháp lý trên cơ sở bình đẳng với người khác. Bất kỳ biện pháp bảo vệ nào cũng phải thể hiện ý chí, mong muốn của người đó và trên cơ sở tương xứng.[27] Đối với phụ nữ và trẻ em khuyết tật trí tuệ, khuyết tật tâm thần và/hoặc bị các loại khuyết tật khác khiến họ không thể tự ra quyết định hay cần trợ giúp trong quá trình ra quyết định, sự trợ giúp đó phải được cung cấp vì lợi ích tốt nhất của người đó và chỉ riêng người đó, và trợ giúp phải được thực hiện với sự đồng ý của gia đình, người chăm sóc, bạn bè đáng tin cậy và các bên liên quan.

Cách tiếp cận lấy nạn nhân/NBBL làm trung tâm: Cách tiếp cận lấy nạn nhân/NBBL làm trung tâm đặt quyền, nhu cầu và mong muốn của phụ nữ, trẻ em gái làm trọng tâm của hoạt động cung cấp dịch vụ. Để làm được điều này, cần cân nhắc các nhu cầu đa dạng của nạn nhân và NBBL, các rủi ro và tính chất dễ bị ảnh hưởng, tác động của các hành động, quyết định được đưa ra, và đảm bảo các dịch vụ được điều chỉnh theo các yêu cầu riêng biệt của từng phụ nữ và trẻ em gái. Các dịch vụ nên đáp ứng mong muốn của họ[28]. "Cách tiếp cận bạo lực phụ nữ theo hướng lấy NBBL làm trung tâm hướng đến tăng quyền năng cho NBBL thông qua ưu tiên các quyền, nhu cầu và mong muốn của họ, đặc biệt là quyền được an toàn, bảo mật thông tin, tự quyết và không biệt đối xử. Có nghĩa là đảm bảo NBBL có thể sử dụng dịch vụ phù hợp, dễ tiếp cận, chất lượng tốt như: (i) Chăm sóc y tế (ii) Hỗ trợ tâm lý và xã hội (iii) Đảm bảo an toàn và (iv) Dịch vụ pháp lý".[29] Cách tiếp cận này công nhận mối liên hệ chặt chẽ giữa sự an toàn, phúc lợi của trẻ em và người lớn là người bị bạo lực, và cả NBBL là trẻ em và người lớn sẽ an toàn, có đời sống tốt hơn khi việc lập kế hoạch được thực hiện với sự tham gia của họ, lồng ghép quan điểm của họ.[30]

Do đó, các dịch vụ phải đáp ứng từng hoàn cảnh và trải nghiệm sống riêng biệt của nạn nhân/NBBL, có xét đến độ tuổi, bản dạng, văn hóa, dân tộc và ưu tiên ngôn ngữ, trên cơ sở **nguyên tắc đảm bảo an toàn và không phân biệt đối xử.** Các dịch vụ phải ưu tiên sự an toàn và an ninh cho nạn nhân/NBBL và tránh gây thêm tổn hại cho họ. Tất cả các NBBL có quyền được đối xử như nhau và tiếp cận dịch vụ một cách bình đẳng.

26. UN Women, UNFPA, UNDP, WHO và UNODC (2015). Gói dịch vụ thiết yếu cho phụ nữ và trẻ em gái bị bạo lực.
27. Phiên bản văn bản thuần túy của Bình luận chung số 1 (2014), Điều 12: Công nhận bình đẳng trước pháp luật.
28. UN Women, UNFPA, UNDP, WHO và UNODC (2015). Gói dịch vụ thiết yếu cho phụ nữ và trẻ em gái bị bạo lực.
29. UN Women, ngày 3 tháng 7 năm 2013, Cách tiếp cận lấy NBBL làm trung tâm.
30. Xem thêm ví dụ, Các nguyên tắc Hướng dẫn về Cách tiếp cận lấy NBBL là trẻ em & người lớn làm trung tâm để giải quyết bạo lực gia đình. (2019).

5.2. Các loại hình hoạt động công tác xã hội chính

5.2.1. Công tác xã hội theo hướng thúc đẩy

Công tác xã hội theo hướng thúc đẩy là một cách tiếp cận công tác xã hội tập trung vào ngăn chặn xảy ra các vấn đề xã hội thông qua khuyến khích phúc lợi xã hội, kinh tế, chính trị của cá nhân và cộng đồng. Công tác xã hội theo hướng thúc đẩy liên quan đến việc phối hợp với các bên liên quan khác để ủng hộ một hệ thống công tác xã hội vững mạnh - bao gồm cả thông qua thúc đẩy và xây dựng khung pháp lý, khung chính sách, lập ngân sách, cơ cấu thể chế, cấu trúc dịch vụ, hoạt động điều phối, và khuôn khổ quy định, quy trình cho dịch vụ xã hội nhằm ngăn chặn, ứng phó với bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em. Cách tiếp cận này cũng cần việc vận động cho thay đổi trên toàn bộ xã hội, kêu gọi sự tham gia của mọi người trong hoạt động thường ngày như các chương trình ở trường học, nơi làm việc, tập trung vào sự tôn trọng và bình đẳng giới, bao gồm cả nâng cao nhận thức về hậu quả của bạo lực.

5.2.2. Công tác xã hội theo hướng phòng ngừa

Công tác xã hội theo hướng phòng ngừa trong bối cảnh bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em liên quan đến việc xác định, giải quyết những nguyên nhân, yếu tố nguy cơ căn bản góp phần dẫn đến hành vi bạo lực đó, với mục tiêu là phòng ngừa việc đó xảy ra ngay từ đầu. Hoạt động cũng bao gồm phòng ngừa tác động thứ cấp của bạo lực và chu kỳ bạo lực. Việc này cần có chương trình phòng ngừa được xây dựng theo hướng nhạy cảm với trẻ em và mang tính chuyển đổi về giới, dựa trên mô hình sinh thái-xã hội để tìm hiểu nhu cầu, các yếu tố nguy cơ và bảo vệ trong bối cảnh có sự tương tác giữa cá nhân, gia đình, các mối quan hệ nói chung, cộng đồng, cùng các yếu tố xã hội.[31] Trong bối cảnh này, công tác xã hội theo hướng phòng ngừa có thể liên quan đến:

- xác định và giải quyết các chuẩn mực văn hóa, xã hội tiêu cực dung túng cho bạo lực, cổ súy bất bình đẳng giới và sự mất cân bằng quyền lực, kỳ thị và phân biệt đối xử người khuyết tật, làm hạn chế việc trình báo và can thiệp ngăn chặn bạo lực;[32]
- thiết kế và thực hiện các chương trình nuôi dạy con, hỗ trợ cha mẹ và người chăm sóc củng cố mối quan hệ với con cái, đồng thời thúc đẩy sự phát triển của trẻ em theo hướng tích cực bằng cách chỉ áp dụng biện pháp kỷ luật tích cực, không bạo lực và cách tiếp cận nhạy cảm với người khuyết tật;
- xác định sớm những khó khăn trong quá trình phát triển và các dịch vụ can thiệp sớm;
- thiết lập lộ trình chuyển gửi đến các dịch vụ y tế, giáo dục, an sinh và phúc lợi xã hội;
- phối hợp với các bên có sức ảnh hưởng trong cộng đồng và xã hội, bao gồm cả những nhà lãnh đạo tư tưởng và/hoặc tôn giáo;
- nâng cao năng lực phòng ngừa bạo lực cho trẻ em và phụ nữ, bao gồm cả những đối tượng là người khuyết tật; và
- thiết kế và thực hiện các chiến lược truyền thông trên phương tiện truyền thông đại chúng dễ tiếp cận đối với phụ nữ, trẻ em khuyết tật nhằm khuyến khích các hành vi tích cực, như nuôi dạy con theo cách tích cực, như một cách phòng chống BLPN và BLTE.

Công tác xã hội theo hướng phòng ngừa phụ thuộc vào **các can thiệp dựa trên bằng chứng, thí điểm tại địa phương**, công tác này cần được rà soát bởi các chuyên gia về BLPN và BLTE, để điều chỉnh, đánh giá, và nhân rộng quy mô, nếu có hiệu quả.

31. Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) (2019). Tôn trọng phụ nữ: Ngăn chặn BLPN. Geneva: WHO. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật. Mô hình sinh thái-xã hội: Khung hoạt động phòng chống bạo lực.
32. Kenny L, Cislaghi, B, và cộng sự. (2019). Giải quyết các chuẩn mực xã hội tại Nhóm học tập về sự giao thoa giữa BLPN/BLTE liên quan đến các chuẩn mực xã hội và thực hành có hại liên quan đến giới, tổ chức bởi Trung tâm về Giới, Phòng chống bạo lực và Y tế của Trường Y học Nhiệt đới và Vệ sinh của London (LSHTM).

Ít nhất, **các can thiệp phòng chống BLPN và BLTE cần phải bổ trợ cho nhau**. Sự phối hợp, chia sẻ thông tin và kinh nghiệm giữa công tác xây dựng chương trình phòng ngừa BLPN và BLTE có thể hỗ trợ hoạt động này. Nếu phù hợp, các hoạt động, **các can thiệp phòng ngừa** BLPN và BLTE **có thể được điều chỉnh hay lồng ghép để giải quyết cả hai dạng bạo lực**. Tuy nhiên, điều này không phải lúc nào cũng được ưu tiên hay khả thi, tùy thuộc vào hình thức can thiệp. Các sáng kiến chính về phòng ngừa bạo lực tại địa phương cũng cần được hỗ trợ và phát huy dựa trên các sáng kiến phòng ngừa bạo lực và giáo dục toàn dân, ở cấp quốc gia nơi những hoạt động này diễn ra.

Sau đây là các can thiệp phòng ngừa bạo lực then chốt dựa trên bằng chứng, có lồng ghép hoạt động phòng ngừa BLPN và BLTE:

- các chương trình phòng chống bạo lực trong trường học, áp dụng cách tiếp cận trên toàn trường hoặc toàn ngành giáo dục;[33]
- lồng ghép các sáng kiến phòng chống BLPN và BLTE vào các chương trình phát triển trẻ thơ và nuôi dạy con;[34]
- các chương trình an sinh xã hội nhằm giải quyết hiệu quả vấn đề an ninh kinh tế và các động lực về quyền hạn/giới, đồng thời giảm các yếu tố gây căng thẳng gia đình có khả năng làm nghiêm trọng thêm bạo lực đối với phụ nữ, trẻ em.[35]

Các sáng kiến phòng ngừa chủ đạo cũng nên hướng tới sự tham gia có tính xây dựng của nam giới và trẻ em trai, nhằm tìm hiểu và đấu tranh chống lại những quan điểm, chuẩn mực xã hội căn bản về nam tính cổ súy cho bất bình đẳng giới và bạo lực phụ nữ, trẻ em trên cơ sở giới, từ đó giúp họ phát triển các cách thức mới của việc tư duy, giao tiếp và hành động.

5.2.3. Công tác xã hội theo hướng ứng phó

Công tác xã hội theo hướng ứng phó liên quan đến việc cung cấp dịch vụ bảo vệ và hỗ trợ phụ nữ, trẻ em là nạn nhân, người bị bạo lực, bao gồm thông qua hoạt động quản lý ca, hỗ trợ tâm lý xã hội và chuyển gửi đến dịch vụ quản lý cứu sinh.

Vì BLPN và BLTE gây ra những hậu quả nghiêm trọng về thể chất, tinh thần, xã hội, do vậy cần có sự quan tâm và thông tin từ nhiều đơn vị cung cấp dịch vụ, nên quản lý ca đã trở thành một phần không thể thiếu trong công tác ứng phó. Quản lý ca BLPN và BLTE là một phương pháp có cấu trúc nhằm cung cấp trợ giúp cho nạn nhân/NBBL, trong đó cá nhân được thông tin về tất cả các phương án hiện có, và những vấn đề họ gặp phải được xác định, theo dõi trong sự phối kết hợp giữa các bên. Nạn nhân/NBBL được hỗ trợ tinh thần trong suốt quá trình trợ giúp. Quản lý ca cũng trở thành điểm đầu vào chính để nạn nhân/NBBL được hỗ trợ khủng hoảng và hỗ trợ tâm lý xã hội lâu dài[37].

33. Gevers, A., và K. Taylor (2018). Những bước tiến đầy hứa hẹn hướng đến chấm dứt bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương: Kết quả của chương trình can thiệp thí điểm của Partners for Prevention tại bốn quốc gia. Bangkok: Partners for Prevention.
34. Coore Desai, C., J. A. Reece và S. Shakespeare-Pellington (2017). Phòng ngừa bạo lực thời thơ ấu thông qua các chương trình nuôi dạy con: đánh giá toàn cầu. Tạp chí Psychology, Health & Medicine, tập 22, số 1, tr.166-186
35. UNICEF Innocenti. (2021). Webinar: Giao điểm giữa bạo lực đối với trẻ em và phụ nữ - Phòng ngừa và ứng phó: Xác định khoảng trống về bằng chứng và cơ hội hợp tác.
36. Khối thịnh vượng chung Úc (Sở Dịch vụ Xã hội). (2022) Kế hoạch quốc gia về chấm dứt bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em, giai đoạn 2022-2032.
37. Hướng dẫn liên ngành quản lý ca BLG: Cung cấp dịch vụ chăm sóc và quản lý ca cho những người bị BLG trong bối cảnh nhân đạo. Ấn bản đầu tiên. 2017.

Các mô hình quản lý ca công tác xã hội đối với BLPN và BLTE biến đổi theo một phổ từ riêng biệt đến tích hợp. Những phương pháp theo hướng tích hợp bao gồm nhiều cách tiếp cận dịch vụ khác nhau, từ phối hợp dịch vụ giữa các cơ quan cho tới hình thức nhóm quản lý ca chung về BLPN-BLTE.

Các dịch vụ quản lý ca BLPN và BLTE có sự tham gia của cả nhân viên công tác xã hội và cán bộ bán chuyên, làm việc với khách hàng để đánh giá nhu cầu, giúp bố trí và điều phối dịch vụ, cũng như thay mặt họ thực hiện vận động.[38] Quan trọng nhất là công tác xã hội theo hướng đáp ứng cần đưa thêm đánh giá rủi ro dựa trên bằng chứng để cung cấp thông tin đầu vào cho việc xây dựng các can thiệp phù hợp, an toàn cho phụ nữ, trẻ em.

Ví dụ về các cách tiếp cận trong cung cấp dịch vụ

Indonesia

Các trung tâm dịch vụ tổng hợp cho phụ nữ và trẻ em cấp tỉnh và huyện, với nhân sự là các cán bộ quản lý ca về bảo vệ trẻ em và tăng quyền năng cho phụ nữ, trực tiếp cung cấp dịch vụ; thực hiện chương trình trợ giúp xã hội cho trẻ em và chương trình tăng quyền năng cho phụ nữ nhằm giảm thiểu bạo lực gia đình.

Việt Nam

Các sở, ban, ngành của Bộ Lao động, Thương binh & Xã hội ở cấp tỉnh, huyện, xã, với nhân sự là nhân viên công tác xã hội và/hoặc cán bộ quản lý ca, có nhiệm vụ thực hiện phúc lợi xã hội

Sự phối hợp giữa các dịch vụ cũng phải dựa trên nguyên tắc chia sẻ thông tin một cách đạo đức và an toàn. Điều này đặc biệt quan trọng trong trường hợp bạo lực xảy ra đồng thời, khi cả mẹ và con đều bị bạo lực.

5.2.4. Công tác xã hội theo hướng phục hồi

Công tác xã hội theo hướng chữa lành, phục hồi giải quyết những tác động ngắn hạn, dài hạn và suốt đời của bạo lực đối với phụ nữ, trẻ em, tiếp theo hành động ứng phó tập trung vào rủi ro ban đầu và đảm bảo an toàn, nhằm thúc đẩy sự phục hồi sau những ảnh hưởng về tài chính, xã hội, tâm lý, tinh thần, thể chất của hành vi bạo lực. Các dịch vụ phục hồi cần dựa trên thông tin từ sang chấn, lấy con người làm trung tâm, tập trung và sự phát triển sau sang chấn, và điều chỉnh theo các nhu cầu khác nhau của phụ nữ và trẻ em.[39]

Công tác xã hội theo hướng phục hồi giải quyết các nhu cầu cụ thể của từng NBBL dựa trên đặc điểm riêng biệt của họ, như độ tuổi, quốc tịch, dân tộc, tôn giáo, tình trạng nhập cư và tình trạng khuyết tật.

5.3. Sự cân bằng giữa lồng ghép và chuyên môn hóa trong dịch vụ công tác xã hội liên quan đến BLPN và BLTE

Bên cạnh là một mục tiêu quan trọng, việc tích hợp và hài hòa dịch vụ không nên làm giảm đi sự chuyên môn hóa thành phần tương ứng hoặc giảm khả năng tiếp cận của khách hàng tới các dịch vụ chuyên biệt phù hợp với nhu cầu, ưu tiên của họ trong mô hình dịch vụ. Các dịch vụ liên quan đến BLPN và BLTE cần hướng đến duy trì sự chuyên môn hóa và tuân theo nguyên tắc hướng dẫn, cách tiếp cận định hướng, đồng thời đảm bảo sự phối hợp hiệu quả trong cung cấp dịch vụ. Trong khi theo đuổi mục tiêu lồng ghép, tích hợp, các rủi ro có thể xảy ra liên quan đến quyền riêng tư, bảo mật thông tin, cũng như sự thay đổi nhu cầu cũng nên được giám sát và giảm thiểu để tránh làm ảnh hưởng đến chất lượng và khả năng cung cấp dịch vụ.

38. Liên minh lực lượng cung cấp dịch vụ xã hội toàn cầu, 2018
39. Khối thịnh vượng chung Úc (Sở Dịch vụ Xã hội). (2022) Kế hoạch quốc gia về chấm dứt bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em, giai đoạn 2022-2032.

Để dịch vụ công tác xã hội về BLPN và BLTE được được phối tốt yêu cầu các nhà cung cấp dịch vụ phải nắm rõ các yêu cầu chuyên môn hóa tương ứng. Nhân viên công tác xã hội cần hiểu các cách tiếp cận khác nhau với NBBL là trẻ em, thanh thiếu niên, người lớn, cũng như người khuyết tật, vì có sự liên quan đến quá trình ra quyết định và bảo mật thông tin khách hàng.[40]

Việc áp dụng cách tiếp cận phối hợp, lồng ghép theo hướng lấy NBBL làm trung tâm có thể hữu ích. "Hệ thống dịch vụ lấy NBBL làm trung tâm yêu cầu cần có các tiêu chuẩn tối thiểu để đảm bảo chất lượng và tính nhất quán. Theo cách tiếp cận hệ thống lấy NBBL làm trung tâm, các đơn vị dịch vụ cần biết về sự tồn tại của các dịch vụ khác, và xác định rõ ràng lộ trình chuyển gửi. Việc này sẽ đảm bảo tính bảo mật thông tin và hạn chế số lần NBBL phải kể lại câu chuyện. Hệ thống dịch vụ lấy NBBL làm trung tâm có tính kịp thời, an toàn, hòa nhập, phù hợp với từng đối tượng và dễ tiếp cận, cung cấp những dịch vụ chuyên biệt, tổng hợp, chú trọng sự cần thiết của việc phối hợp với nhau nhằm chấm dứt BLG".[41]

Hướng dẫn về cách làm việc với NBBL là trẻ em, thanh thiếu niên và người trưởng thành[42]

	Trẻ em	Trẻ em gái vị thành niên	Phụ nữ trưởng thành
Ra quyết định	**Đưa trẻ em vào quá trình ra quyết định.** Trẻ em có quyền tham gia vào những quyết định ảnh hưởng đến cuộc sống của mình. Mức độ tham gia vào quá trình ra quyết định nên phù hợp với mức độ trưởng thành và độ tuổi của trẻ. Các đơn vị cung cấp dịch vụ cần đối xử với trẻ theo cách thức minh bạch và với sự tôn trọng tối đa, ngay cả khi không thể làm theo mong muốn của các em do những cân nhắc vì lợi ích tốt nhất của trẻ.	**Tôn trọng năng lực phát triển của trẻ em trong quá trình ra quyết định.** Các đơn vị cung cấp dịch vụ cần coi trọng quan điểm của thanh thiếu niên ở độ tuổi trưởng thành hơn, và công nhận rằng một số trẻ lớn có thể có năng lực đưa ra sự đồng thuận có hiểu biết. Trong mọi trường hợp, **các đơn vị cung cấp dịch vụ cần đưa sự tham gia của trẻ em gái vào quá trình ra quyết định và ưu tiên phối hợp với trẻ trong công tác liên quan đến chăm sóc**.	**Trao quyền cho NBBL bằng việc tôn trọng quyền và khả năng ra quyết định của NBBL.** Trải nghiệm cốt lõi của BLG là bị tước mất quyền; trao quyền là trọng tâm trong quá trình phục hồi của NBBL. Mối quan hệ giữa đơn vị cung cấp dịch vụ và NBBL trong hoạt động quản lý ca phải xoay quanh việc tăng quyền năng và khả năng kiểm soát lại cho NBBL. Tôn trọng quyền ra quyết định của NBBL, ngay cả khi biết rằng đó là một "sai lầm", là một việc mang tính chuyển đổi vì đó là tăng quyền năng.

Trong quá trình ra quyết định, tình trạng khuyết tật của cá nhân hoặc người bị bạo lực cần được xem xét và tiếp cận một cách phù hợp.

40. Hướng dẫn liên ngành quản lý ca BLG: Cung cấp dịch vụ chăm sóc và quản lý ca cho những người bị BLG trong bối cảnh nhân đạo. Ấn bản đầu tiên. 2017.
41. Khối thịnh vượng chung Úc (Sở Dịch vụ Xã hội). (2022) Kế hoạch quốc gia về chấm dứt bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em, giai đoạn 2022-2032.
42. Trích dẫn từ Ủy ban Cứu hộ Quốc tế. Chương trình giảng dạy kết hợp về BLG

	Trẻ em	Trẻ em gái vị thành niên	Phụ nữ trưởng thành
Bảo mật thông tin	**Đảm bảo tính bảo mật một cách phù hợp.** Trong một số bối cảnh, cần trình báo bắt buộc những mối lo ngại về bảo vệ trẻ em. Do độ tuổi, năng lực phát triển và vị thế trong xã hội, nên trẻ em thường không thể tự mình tìm kiếm sự trợ giúp. Lợi ích tốt nhất của trẻ phải luôn là cân nhắc hàng đầu khi thay mặt trẻ thực hiện hành động, ngay cả trong bối cảnh pháp luật yêu cầu trình báo bắt buộc.	**Đảm bảo và duy trì tính bảo mật thông tin.** Tôn trọng quyền tự quyết của NBBL là trẻ vị thành niên, và cùng nhau đánh giá những hệ quả tích cực, tiêu cực của từng hành động, để từ đó chọn ra hành động ít gây hại nhất (mời sự tham gia của người chăm sóc, nếu thích hợp).	**Duy trì tính bảo mật thông tin.** Tôn trọng quyền ra quyết định của NBBL, bao gồm cả quyết định về việc ai được biết về tình hình, nhu cầu và sự chăm sóc cho NBBL. Không nên trình báo bắt buộc trong trường hợp BLG, vì điều này có thể lặp lại sự kiểm soát đối với NBBL, trước đó đã thể hiện trong mối quan hệ xâm hại, và đặt NBBL vào rủi ro bị tổn hại thêm.

Việc có một khuôn khổ chung để tìm hiểu sự giao thoa giữa BLPN và BLTE có thể hỗ trợ đáng kể cho hoạt động điều phối dịch vụ. Điều này đặc biệt phù hợp trong trường hợp đồng thời xảy ra bạo lực do bạn tình và xâm hại trẻ em. Cần có hướng dẫn rõ ràng về các động lực của bạo lực do bạn tình gây ra, bao gồm cả cách ứng phó phù hợp cho trẻ em có nguy cơ bị tổn hại tại nhà, đồng thời nếu phù hợp giảm thiểu việc chia tách trẻ em khỏi cha mẹ, nếu họ không phải là người xâm hại.[43] Một trong những động lực của bạo lực do bạn tình gây ra là dùng trẻ em như một phương tiện để tiếp tục hành vi xâm hại, đe dọa và kiểm soát người mẹ. Việc này có thể bao gồm làm ảnh hưởng đến mối quan hệ với con cái, dọa mang con đi nếu người mẹ bỏ trốn, làm hại đến con như một cách "trả thù" người mẹ, hoặc lợi dụng con cái để gửi những tin nhắn đe dọa hay thu thập thông tin, hay kích động trẻ không thích mẹ, nhằm kiểm soát hành động của người mẹ.[44] Ngược lại, cần nỗ lực để khái quát hóa mối quan hệ mẹ-con như một nguồn lực đảm bảo sự an toàn, phúc lợi cá nhân và tập thể, cũng như một lộ trình để phục hồi sau bạo lực.[45]

Cần nỗ lực thúc đẩy nhân viên công tác xã hội liên quan đến BLPN và BLTE có thái độ, cách làm theo hướng nhạy cảm với trẻ em, tập trung vào NBBL. Các hành vi kỳ thị phổ biến làm cản trở việc tìm kiếm trợ giúp của NBBL là trẻ em cũng như người lớn trong trường hợp xảy ra bạo lực đồng thời là: ép người mẹ phải tiếp tục sống với người chồng có hành vi lạm dụng "để tốt cho con"[46]; đổ lỗi cho người mẹ vì không thể "bảo vệ" con mình, từ đó chuyển trọng tâm ra khỏi người gây bạo lực[47]; thất vọng với việc NBBL không thể "cứ thế đi"; quan niệm rằng nam giới cũng là NBBL của bạo lực trong gia đình (cho dù là về tần suất hay mức độ nghiêm trọng), đặc biệt là khi NBBL là nữ dùng bạo lực để tự vệ; coi tác động của BLPN xảy ra với NBBL là bằng chứng của những thiếu sót trong nuôi dạy con hay yếu tố nguy cơ dẫn đến lạm dụng trẻ em, v.d: sức khỏe tâm thần không tốt, lạm dụng chất kích thích, giảm sự tự tin, giảm năng lực ra quyết định, khuyết tật liên quan đến bạo lực. Ngược lại, nhân viên công tác xã hội cần hiểu rõ về sự phát triển của trẻ em, thanh thiếu niên, cũng như những kỹ thuật phát triển thân thiện với trẻ em, thanh thiếu niên để hỗ trợ đầy đủ cho quyền và năng lực tham gia của các em vào quá trình ra quyết định. **Cần xây dựng các quy trình dịch vụ chung hoặc bổ sung nhằm hỗ trợ**

43. Như trên
44. Như trên
45. Như trên
46. Stanley, N. và Humphreys, C. (2006). 'Công việc đa cơ quan và đa ngành: Rào cản và cơ hội': C. Humphries và N. Stanley. Bạo lực gia đình và bảo vệ trẻ em: Hướng dẫn thực hành tốt. London; Philadelphia: Nhà xuất bản Jessica Kingsley.
47. Humphreys, C. (2000) Công tác xã hội, bạo lực gia đình và bảo vệ trẻ em: Các thực hành khó. Bristol: The Policy Press.

việc cung cấp dịch vụ quản lý ca BLPN, BLTE trong công tác xã hội có sự phối hợp, bao gồm cả quy trình chuyển gửi. Các thỏa thuận rõ ràng sẽ hỗ trợ cho công tác điều phối, phối hợp và tối đa hóa khả năng tiếp cận kịp thời của khách hàng tới các dịch vụ, nguồn lực.[48] Trong trường hợp bổ sung, các quy trình hay hướng dẫn liên quan đến BLPN dành cho chuyên gia y tế, công an, kiểm sát viên, tòa án cần áp dụng cách tiếp cận đặc thù đối với trẻ em và thanh thiếu niên, đồng thời tham khảo các quy trình dành riêng cho trẻ em, bên cạnh các quy trình hỗ trợ phụ nữ trưởng thành.

5.4. Những điểm cần cân nhắc trong thiết kế và cung cấp dịch vụ công tác xã hội liên quan đến BLPN và BLTE

Những điểm chính trong thiết kế và cung cấp dịch vụ công tác xã hội nhằm giải quyết bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em cần cân nhắc để làm thông tin đầu vào cho các quy trình dịch vụ bao gồm:

Xác định danh tính

Xác định danh tính là khi các đơn vị cung cấp dịch vụ tìm kiếm những đối tượng cần được bảo vệ. Đây là bước thiết yếu đầu tiên trong việc bảo vệ trẻ em vì trẻ em thường thiếu khả năng tự tìm kiếm sự hỗ trợ.[49] Tuy nhiên, việc xác định danh tính không được khuyến khích trong việc giải quyết bạo lực vì làm tái hiện cảm giác bất lực của NBBL trong các mối quan hệ bị lạm dụng và có thể dẫn đến nguy cơ người gây bạo lực trả đũa.[50] Các yêu cầu trình báo bắt buộc khác nhau tùy theo cách tiếp cận và bối cảnh, và cần được cân nhắc khi có liên quan đến xác định danh tính (xem bên dưới).

Trình báo bắt buộc

Bắt buộc trình báo các trường hợp bạo lực cho cảnh sát là thông lệ phổ biến để bảo vệ trẻ em khỏi bạo lực, nhưng không được khuyến khích khi giải quyết BLPN do mâu thuẫn với cách tiếp cận lấy NBBL làm trung tâm nhằm tăng quyền năng cho NBBL lựa chọn các dịch vụ mà họ muốn.[51] Nhân viên công tác xã hội nên hiểu rõ các nghĩa vụ trình báo bắt buộc liên quan đến NBBL là trẻ em, thanh thiếu niên và người lớn, bao gồm các thủ tục, tài liệu và chia sẻ thông tin bắt buộc. Khi áp dụng trình báo bắt buộc, khả năng bảo mật thông tin của khách hàng có thể bị hạn chế, nhưng vẫn cần phải được bảo vệ, do thông tin chỉ được chia sẻ với các cơ quan và chuyên gia khác khi cần thiết để bảo vệ NBBL, tức là tuân thủ nghiêm ngặt nguyên tắc trên cơ sở "cần biết". Những điểm hạn chế này cần được giải thích rõ ràng cho những NBBL và người chăm sóc, trước khi lấy sự đồng ý sau khi nắm được đầy đủ thông tin để tiến hành các dịch vụ, bao gồm cả việc chuyển gửi.[52] Khi đã được cung cấp thông tin về việc trình báo bắt buộc, phụ nữ bị bạo lực được lựa chọn rời đi nếu không đồng thuận với việc báo cáo hành vi bạo lực đã trải qua.

Đạo đức và ra quyết định có đạo đức

Đạo đức và việc ra quyết định có đạo đức (bao gồm cả việc sử dụng các quy tắc đạo đức nghề nghiệp trong công tác xã hội) là điều quan trọng cần cân nhắc trong bối cảnh BLPN/BLTE. Nhân viên công tác xã hội cần nhận biết và quản lý các giá trị cá nhân, định kiến, phân biệt đối xử và thiên kiến. Các vấn đề đạo đức, bao gồm quyền riêng tư, bảo mật, lợi ích (hành động vì lợi ích tốt nhất của cá nhân), không sai trái (tránh gây tổn hại), đồng thuận (yêu cầu có sự đồng thuận của nạn nhân/NBBL, phù hợp với mức độ trưởng thành và độ tuổi, trước khi chuyển gửi vụ việc cho các đơn vị cung cấp dịch vụ khác hoặc chia sẻ bất kỳ dữ liệu nào về vụ việc), vận động,

48. Ủy ban Cứu hộ Quốc tế. Chương trình giảng dạy kết hợp về BLG.
49. Như trên
50. UNFPA. Các tiêu chuẩn tối thiểu liên cơ quan về BLG trong xây dựng chương trình trong bối cảnh khẩn cấp. New York: Ủy ban Cứu hộ Quốc tế, UNFPA.
51. Như trên
52. Như trên

tôn trọng, bình đẳng giới, tiếp cận nhạy cảm với người khuyết tật, quyền tự quyết và không phân biệt đối xử, phải được đưa vào quá trình cung cấp dịch vụ. Điều quan trọng là phải duy trì tính bảo mật (ngoại trừ nền tảng "cần biết" nghiêm ngặt khi áp dụng theo quy tắc trình báo bắt buộc) vì kết quả bất lợi có thể xảy ra khi thông tin bị tiết lộ một cách không thích hợp.

Đánh giá

Trong các đánh giá về BLPN, NBBL là đối tượng chính, còn các đánh giá về BLTE có thể đánh giá thêm quan điểm của người chăm sóc và 'những người lớn an toàn' khác, cũng như người cán bộ phụ trách ca.[53] Sự tham gia của các bên khác trong quá trình đánh giá có thể gây rủi ro cho NBBL trong trường hợp bạo lực do bạn tình gây ra, kèm với các lo ngại về bảo vệ trẻ em, chẳng hạn như bằng cách củng cố thêm cho các động lực có hại về quyền lực. Các quy trình dịch vụ chung và sự phối hợp giữa nhân viên công tác xã hội phụ trách các vụ việc BLPN và BLTE có thể giúp giảm thiểu các rủi ro liên quan đến các cách tiếp cận khác nhau trong thực hiện đánh giá. Hành động giảm thiểu các lo ngại về bạo lực với phụ nữ và trẻ em bao gồm sự đồng thuận của NBBL và tổ chức các cuộc phỏng vấn riêng với từng phụ huynh để tạo ra không gian an toàn cho việc tiết lộ, và thảo luận trong các cuộc họp về vụ việc.[54] Những người phụ nữ bị bạo lực nên được đề nghị tham gia việc lập kế hoạch đảm bảo an toàn một cách bí mật, quản lý ca, chuyển gửi có sự phối hợp và các dịch vụ hỗ trợ tâm lý xã hội liên tục. Đánh giá, bao gồm đánh giá có sự phối hợp khi BLPN và BLTE cùng xảy ra, không nên chỉ tập trung vào nguy cơ trước mắt đối với phụ nữ và/hoặc trẻ em, mà còn trong cả lộ trình phục hồi lâu dài sau tổn thương cho cả trẻ em và phụ nữ.[55]

Đánh giá rủi ro

Đánh giá rủi ro là một phần trong bước đánh giá, việc đánh giá rủi ro cụ thể phải được hoàn thành bởi những cán bộ được hướng dẫn để đưa ra biện pháp can thiệp thích hợp. Nên sử dụng các công cụ dựa trên bằng chứng để đánh giá rủi ro và cần có sự hiểu biết đúng đắn về các chỉ số rủi ro trong các hoàn cảnh và trường hợp khác nhau (ví dụ: việc tách NBBL khỏi chồng/bạn tình có hành vi bạo lực là yếu tố nguy cơ dẫn đến gia tăng bạo lực).[56]

Lập kế hoạch đảm bảo an toàn

Cần có sẵn kế hoạch đảm bảo an toàn để giúp đỡ tất cả NBBL. Khi cả mẹ và con đều có nguy cơ bị bạo lực, cần xây dựng một kế hoạch đảm bảo an toàn cho cả mẹ và con nếu phù hợp. Kế hoạch đảm bảo an toàn cần xác định trẻ em không phải là tác nhân thụ động trong bạo lực giữa những người chăm sóc, đồng thời cần bao gồm các hành động cụ thể được thông báo trước dựa trên tình trạng/khả năng phát triển và tâm lý của trẻ để bảo vệ trẻ em và giảm thiểu tác hại cùng với việc đảm bảo an toàn cho NBBL là người trưởng thành. Điều này nên được đồng xác lập và có bao gồm đánh giá rủi ro, các kỹ năng an toàn chung, các chiến lược sử dụng khi gặp tình huống bạo lực và trong trường hợp người mẹ chọn rời bỏ người gây bạo lực.[57]

Thăm nhà NBBL

Các chuyến thăm tại nhà thường được đưa vào trong các biện pháp can thiệp bảo vệ trẻ em khi nhân viên công tác xã hội gặp gỡ trẻ và gia đình tại nhà của trẻ. Tuy nhiên, hành động này không được khuyến khích khi làm việc với những phụ nữ có nguy cơ bị bạo lực vì có thể gây tổn hại đến tính bảo mật và sự an toàn của NBBL là người trưởng thành cũng như nhân viên công tác xã hội. Nên ưu tiên lựa chọn những không gian an toàn bên ngoài mà phụ nữ bị bạo lực có thể tiếp cận được và có cảm giác riêng tư, tương tự như trong trường hợp bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em cùng xảy ra. Biện pháp này cũng không nên sử dụng để xác định các trường hợp BLPN.

53. Ủy ban Cứu hộ Quốc tế. Chương trình giảng dạy kết hợp về BLG.
54. Như trên
55. Stanley, N. và Humphreys, C. (2006). 'Công việc đa cơ quan và đa ngành: Rào cản và cơ hội': C. Humphries và N. Stanley. Bạo lực gia đình và bảo vệ trẻ em: Hướng dẫn thực hành tốt.
56. Khối thịnh vượng chung Úc (Sở Dịch vụ Xã hội). (2022) Kế hoạch quốc gia về chấm dứt bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em, giai đoạn 2022-2032.
57. Ủy ban Cứu hộ Quốc tế. Chương trình giảng dạy kết hợp về BLG.

Nếu buộc phải đến ghé thăm nhà NBBL, những hành động chính có thể thực hiện để giảm thiểu rủi ro như sau:

- biến chuyến thăm trở thành thường lệ và là một trong những chuyến thăm tới các hộ gia đình trong cộng đồng vào cùng thời điểm, được thực hiện nhằm cung cấp một dịch vụ hoặc thông tin nào đó không liên quan đến BLPN;
- cùng với NBBL lựa chọn ngày giờ đến thăm tốt nhất trong ngày, khi xung quanh có ít thành viên cộng đồng hơn, và khi người gây bạo lực không có mặt ở nhà hoặc gần nhà;
- thống nhất một mật mã hoặc tín hiệu với NBBL để họ có thể ra tín hiệu cho biết bản thân không còn an toàn vào lúc này;
- lên kế hoạch với NBBL về những gì sẽ nói nếu họ bị tra hỏi về chuyến thăm của nhân viên công tác xã hội và tại sao nhân viên công tác xã hội lại ở đó để không bị lộ.[58]

Hỗ trợ sức khỏe tâm thần và tâm lý xã hội

Các dịch vụ hỗ trợ sức khỏe tâm thần và tâm lý xã hội (SKTT&TLXH) được cung cấp trực tiếp hoặc thông qua chuyển gửi phải tuân thủ cách tiếp cận lấy NBBL làm trung tâm và nhạy cảm với trẻ em và khuyết tật/giới. Việc sử dụng liệu pháp gia đình có sự tham gia của người chồng gây bạo lực có rủi ro cao đối với NBBL và không được khuyến khích. Sử dụng liệu pháp gia đình có thể làm tăng động lực kiểm soát và lạm dụng đã có từ trước. Hòa giải là một phương thức xét xử theo phong tục tập quán phổ biến nhưng cũng không được khuyến khích áp dụng đối với các vụ việc BLPN. Trong thực tế, biện pháp gia đình hay "tư vấn gia đình" và hòa giải có cùng động lực, theo đó một NBBL trưởng thành bị đổ lỗi cho hành vi bạo lực, thay vì tập trung vào hành vi sai trái của người gây bạo lực. Tuy nhiên, việc tư vấn cho mẹ và con có thể giúp khôi phục và củng cố mối quan hệ mẹ con, từ đó có thể giúp họ phục hồi. Tuy nhiên, việc tư vấn phải được thực hiện dựa trên hiểu biết sâu sắc về động lực của BLPN và BLTE, nhằm đảm bảo tăng quyền năng, lấy người sống sót làm trung tâm và nhạy cảm với trẻ em và tình trạng khuyết tật/giới.

Những chuyến thăm sau khi chia tách

Khi một cặp vợ chồng ly thân, người chăm sóc có thể sắp xếp (chính thức hoặc không chính thức) để con cái có thời gian ở bên cha hoặc mẹ. Trong trường hợp bạo lực do bạn tình gây ra, giai đoạn sau ly thân là thời điểm có nguy cơ cao đối với NBBL, có thể xuất hiện gia tăng bạo lực đối với cả NBBL trưởng thành và trẻ em.[59] Những chuyến thăm và liên lạc sau khi chia tách cũng tạo cơ hội tiếp diễn việc cưỡng ép kiểm soát và xâm hại, bao gồm thông qua mối quan hệ của người gây bạo lực với đứa trẻ.[60] Cán bộ bảo vệ trẻ em nên hợp tác chặt chẽ với các cán bộ phụ trách BLPN trong trường hợp đã xảy ra bạo lực do bạn tình và đã chia tách NBBL và người gây bạo lực, cũng như khi xem xét các thỏa thuận liên lạc giữa cha mẹ và con cái sau khi chia tách. Nhân viên công tác xã hội nên làm việc trực tiếp với người phụ nữ bị bạo lực để đánh giá và lập kế hoạch đầy đủ đối với các rủi ro và đảm bảo cung cấp dịch vụ liên tục cho NBBL là phụ nữ và trẻ em cả trước và sau các chuyến thăm hoặc các hình thức liên lạc khác.

Chuyển gửi và phối hợp đa ngành

Tất cả các tổ chức liên ngành đều có trách nhiệm hỗ trợ NBBL là người trưởng thành, thanh thiếu niên và trẻ em tiếp cận các dịch vụ có chất lượng, kịp thời, toàn diện và có sự phối hợp. Cán bộ tuyến đầu phải có khả năng nhận biết và ứng phó hiệu quả với những người bị bạo lực là phụ nữ và trẻ em.[61] Có thể cần có sự tham gia của các chuyên gia và dịch vụ chuyên biệt để ứng phó đầy đủ, do đó, cần thiết lập các cơ chế chuyển gửi cho phép cán bộ tuyến đầu tiếp cận kịp thời các dịch vụ này.

58. Hướng dẫn liên ngành quản lý ca BLG: Cung cấp dịch vụ chăm sóc và quản lý ca cho những người bị BLG trong bối cảnh nhân đạo (2017).
59. Humphreys, C. (2000) Công tác xã hội, Bạo lực gia đình và Bảo vệ trẻ em: Nhiệm vụ thử thách. Bristol: Tạp chí Chính sách.
60. Như trên.
61. UN Women, UNFPA, UNDP, WHO và UNODC (2015). Gói Dịch vụ Thiết yếu dành cho Phụ nữ & Trẻ em gái bị Bạo lực.

Cần lưu ý rằng các hệ thống và dịch vụ công tác xã hội có thể kém phát triển hoặc bị quá tải nếu không đủ số lượng và phân bổ, các chủ thể đa ngành nên làm việc cùng nhau để hoàn thành nghĩa vụ chung của mình nhằm bảo vệ và hỗ trợ những người gặp khó khăn và gặp rủi ro, thay vì cho rằng công tác xã hội là một dịch vụ riêng biệt và chuyên biệt. Để tạo điều kiện thuận lợi cho công việc và phối hợp đa ngành, lực lượng cung cấp dịch vụ xã hội nên thúc đẩy đối thoại giữa các chủ thể cộng đồng, các tổ chức phi chính phủ và ngành tư pháp để mở ra các kênh liên lạc và tạo sự tin cậy, tạo điều kiện thuận lợi cho việc chuyển gửi giữa các cơ quan và các chuyên gia khác nhau. Các lực lượng cung cấp dịch vụ đa ngành và các cơ chế phối hợp khác có thể cải thiện việc điều phối dịch vụ hỗ trợ BLPN-BLTE và tạo điều kiện thuận lợi cho việc liên kết trong lập kế hoạch và cung cấp dịch vụ. Những cơ chế đa ngành này nên được tận dụng để cải thiện khả năng ứng phó của hệ thống BLPN và BLTE đối với phụ nữ, thanh thiếu niên và trẻ em. Cơ quan bảo vệ trẻ em được ủy quyền là trung tâm điều phối các dịch vụ phòng ngừa, can thiệp sớm và ứng phó cho trẻ em và gia đình các em, đồng thời là trung tâm phối hợp giữa các dịch vụ bảo vệ trong các vụ BLTE và BLPN.

Thảo luận về trường hợp

Thảo luận về trường hợp có sự tham gia của các nhà cung cấp dịch vụ cũng như các chủ thể đa ngành có liên quan tới BLPN và BLTE có thể hỗ trợ điều phối dịch vụ một cách hiệu quả. Thảo luận về trường hợp nên được thực hiện dựa trên mong muốn và sự đồng thuận của NBBL, phù hợp với mức độ trưởng thành và độ tuổi của họ, đồng thời nên tôn trọng tính bảo mật, an toàn, lợi ích tốt nhất của trẻ khi có liên quan đến trẻ em và để ngăn ngừa có thêm bất kỳ tổn hại nào khác. Thảo luận về trường hợp phải được quản lý bởi các quy trình và thủ tục đã thiết lập, lồng ghép các quan điểm, nguồn lực và kỹ năng của các nhà cung cấp khác nhau vào (các) kế hoạch hành động cho trường hợp của khách hàng.[62] Cần áp dụng các biện pháp bảo mật tốt, như hạn chế thông tin cần chia sẻ thông về các vụ việc và chỉ mời những thành phần khác tham gia thảo luận về trường hợp khi cần thiết - nói cách khác, những người khác sẽ không tham dự trừ khi đóng góp của họ là cần thiết để bảo vệ NBBL và trẻ em.

Các dịch vụ tư pháp

Mặc dù hòa giải là một biện pháp khắc phục phổ biến trong ngành tư pháp để tránh thủ tục tố tụng tại tòa án, nhưng hòa giải không được khuyến khích đối với trường hợp BLPN vì có thể làm tăng thêm sự kiểm soát và xâm hại của người gây bạo lực là nam giới, tạo điều kiện đổ lỗi cho NBBL và nhân rộng các chuẩn mực biện minh cho hành vi gây bạo lực của người chồng/bạn tình đối với phụ nữ và trẻ em gái.[63] Do đó, nhân viên công tác xã hội **không bao giờ** nên tìm cách hòa giải giữa người gây bạo lực và NBBL, mà nên cung cấp các lựa chọn cho NBBL, thảo luận về rủi ro và sắp xếp chuyển gửi một cách chủ động.[64] Nhân viên công tác xã hội nên làm việc với các cơ quan tư pháp để củng cố hệ thống tư pháp chính thức nhằm đảm bảo hiệu quả bảo vệ phụ nữ và trẻ em, với sự lưu ý đến yếu tố khuyết tật. Việc này bao gồm cho phép lồng ghép trợ giúp pháp lý cho những người trưởng thành bị bạo lực vào trong các tranh chấp về quyền nuôi con và cấp dưỡng con cái. Đội ngũ cung cấp dịch vụ xã hội phải làm quen và làm việc với các hệ thống, cơ quan bảo vệ cộng đồng để cung cấp các dịch vụ lấy trẻ em và phụ nữ làm trung tâm, và điều này có thể bao gồm làm việc với các bên liên quan trong cộng đồng, những người có thể giúp hòa giải hoặc dẫn dắt các cơ chế công lý theo phong tục. Trong đó, điều quan trọng là phải đảm bảo các dịch vụ cộng đồng và các biện pháp khắc phục theo phong tục tập quán này có tính đáp ứng giới, nhạy cảm với người khuyết tật và trẻ em. Các bên liên quan trong cộng đồng bao gồm người lãnh đạo tôn giáo, cộng đồng và bộ tộc, người đứng đầu dòng họ gia đình và các "thẩm phán" trong các tòa án theo luật tục.[65]

62. Ủy ban Cứu hộ Quốc tế. Chương trình Giảng dạy Kết hợp về BLG.
63. Hướng dẫn liên ngành quản lý ca BLG: Cung cấp dịch vụ chăm sóc và quản lý ca cho những người bị BLG trong bối cảnh nhân đạo (2017).
64. Như trên.
65. Ellsberg, M. (2008). BLPN ở Melanesia và Đông Timor: Xây dựng các Phương pháp Tiếp cận Hứa hẹn Toàn cầu và Khu vực. Canberra: Văn phòng Hiệu quả Phát triển, AusAID; UN Women (2021). Chương trình hướng dẫn dành cho các công tố viên ứng phó với bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái ở Châu Á và Thái Bình Dương. Bangkok: UN Women; và UN Women và Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) (2022). Cải thiện việc thu thập và sử dụng dữ liệu hành chính về BLPN. New York.

Thanh thiếu niên

Cần đảm bảo rằng các nhu cầu cụ thể của thanh thiếu niên bị bạo lực, bao gồm cả những đối tượng đã hoặc vừa kết hôn, đã có con và những người phụ thuộc về kinh tế vào người gây bạo lực, đều được xem xét trong quá trình thiết kế và cung cấp dịch vụ. Các đơn vị cung cấp dịch vụ nên có sự chuẩn bị sẵn sàng để trực tiếp hỗ trợ hiệu quả các trường hợp người bị bạo lực là thanh thiếu niên hoặc chuyển gửi tới các dịch vụ hỗ trợ chuyên biệt sẵn có. Các hệ thống bảo vệ trẻ em và phòng chống BLG cần công nhận rõ ràng năng lực phát triển của trẻ em và thanh thiếu niên, trong đó có việc cung cấp các dịch vụ công tác xã hội. Xem bảng thuộc mục 5.4 về "Hướng dẫn làm việc với những NBBL là trẻ em, thanh thiếu niên và người lớn" để biết thêm thông tin về sự đồng thuận có hiểu biết và thanh thiếu niên.

Hỗ trợ và giám sát dài hạn các trường hợp NBBL là trẻ em bị lạm dụng tình dục, hoặc người lớn từng bị bạo lực tình dục khi còn nhỏ

Vì bạo lực tình dục có tác động suốt đời, nên sự hỗ trợ thường xuyên đóng vai trò quan trọng nhằm theo dõi các tác động có thể phát sinh và đáp ứng các nhu cầu liên quan trong suốt cuộc đời của trẻ cho đến khi trưởng thành.

Quản lý dữ liệu

Cần tăng cường thu thập và chia sẻ dữ liệu hành chính liên tục và có chất lượng cao về BLTE và BLPN[66]. Các hệ thống và thực hành chia sẻ dữ liệu phải tuân thủ các tiêu chuẩn BLG và bảo vệ trẻ em để quản lý dữ liệu an toàn và có đạo đức.[67] Trong những nỗ lực cải thiện sự phối hợp và thống nhất trong quản lý dữ liệu BLPN và BLTE, lý tưởng nhất là tích hợp giữa các hệ thống, tuy nhiên cần tính đến các tiêu chuẩn chia sẻ/bảo vệ dữ liệu khác nhau đối với BLPN/BLTE (quyền truy cập, phương thức chia sẻ thông tin, báo cáo) và tránh gây quá tải cho người thu thập dữ liệu kiêm nhà cung cấp, đồng thời đảm bảo cung cấp đủ nguồn lực và hỗ trợ kỹ thuật cho các hệ thống quản lý dữ liệu tích hợp. Loại dữ liệu được ghi lại sẽ phụ thuộc vào mục đích và bối cảnh của dịch vụ. Đánh giá rủi ro, kế hoạch, ghi chú trường hợp, giới thiệu, v.v. phải dễ tiếp cận trong mỗi đơn vị để nhân viên xã hội có thể dễ dàng tham khảo các kế hoạch, và nhờ đó NBBL không cần phải liên tục kể lại trải nghiệm bạo lực và lạm dụng của mình, tránh việc làm tổn thương thêm. Hơn nữa, việc thu thập thông tin và dữ liệu có thể thúc đẩy trách nhiệm giải trình trong cung cấp dịch vụ và giúp hình thành những thực hành tốt cho tương lai.

Bảo vệ khỏi bạo lực trong thiên tai và các tình huống khẩn cấp

Lực lượng cung cấp dịch vụ xã hội cùng các cơ quan quản lý thiên tai cũng đóng vai trò quan trọng trong các hoạt động phòng ngừa, bảo vệ và ứng phó với BLPN và BLTE trong quá trình chuẩn bị và ứng phó với các tình huống khẩn cấp, như đã nêu trong khung hành động khu vực ASEAN về bảo vệ, vấn đề giới và hòa nhập trong quản lý thiên tai và các hướng dẫn kèm theo.[68]

66. UN Women và Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) (2022). Cải thiện việc thu thập và sử dụng dữ liệu hành chính về BLPN. New York.
67. Liên minh Bảo vệ Trẻ em trong Hành động Nhân đạo (2019). Tiêu chuẩn Tối thiểu đối với Bảo vệ Trẻ em trong Hành động Nhân đạo, Ấn bản 2019; và UNFPA. Các tiêu chuẩn tối thiểu liên cơ quan về BLG trong xây dựng chương trình trong bối cảnh khẩn cấp. New York: Ủy ban Cứu hộ Quốc tế, UNFPA.
68. Hướng dẫn vận hành Khung khu vực ASEAN về bảo vệ, giới và hòa nhập trong quản lý thiên tai: Bộ công cụ lập kế hoạch và ưu tiên, Jakarta, Ban Thư ký ASEAN, tháng 6/2022.

6. Lập kế hoạch cho lực lượng cung cấp dịch vụ xã hội và các dịch vụ liên quan đến BLPN và BLTE

Khi đánh giá và lập kế hoạch cho các dịch vụ cần thiết và lực lượng cung cấp dịch vụ xã hội nhằm ngăn ngừa và giải quyết bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em, có một số yêu cầu mang tính hệ thống cần thiết để đảm bảo chất lượng dịch vụ công tác xã hội:

Các khung pháp lý và chính sách mang tính đa ngành và bảo vệ quyền của trẻ em, thanh thiếu niên và phụ nữ khỏi mọi hình thức bạo lực, kể cả trong bối cảnh xung đột, khủng hoảng và thiên tai.[69]

- Pháp luật và chính sách được lồng ghép trong hệ thống dữ liệu hiện hành cấp quốc gia, được phân tách theo độ tuổi, giới, tình trạng khuyết tật, dân tộc và địa điểm; và xác định các tham số để thu thập và báo cáo dữ liệu quản lý hành chính theo địa phương.
- Chính sách và luật pháp quốc gia phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế và khu vực cũng như các nghĩa vụ về chấm dứt bạo lực phụ nữ, quyền được bảo vệ của trẻ em.
- Pháp luật (i) khuyến khích cha mẹ, giáo viên và những người chăm sóc khác sử dụng các biện pháp phi bạo lực để kỷ luật con cái, (ii) hình sự hóa hành vi xâm hại và bóc lột tình dục phụ nữ và trẻ em, (iii) cho phép đuổi người gây bạo lực ra khỏi nhà giúp ngăn chặn việc chia cắt trẻ em khỏi gia đình một cách không cần thiết, (iv) mô tả các hình phạt, chế tài và các biện pháp thực thi để buộc người gây bạo lực phải chịu trách nhiệm, và (v) khung pháp lý liên quan đến bạo lực do bạn tình gây ra cần bao gồm cả trường hợp những người chung sống mà chưa kết hôn.
- Các khung pháp lý và chính sách có tính đến đối tượng người khuyết tật và bao gồm các quy định rõ ràng về bảo vệ phụ nữ và trẻ em khuyết tật khỏi bạo lực.
- Các chính sách mang tính khả thi để đặt ra lộ trình thực hiện tiến bộ liên tục, có cân nhắc đến bối cảnh văn hóa và kinh tế xã hội.
- Các kế hoạch hành động đa ngành cấp quốc gia nhằm chấm dứt bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em xác định gói các dịch vụ xã hội thiết yếu và bao gồm các kế hoạch ứng phó xung đột, khủng hoảng.

Ví dụ về các điều khoản có xét đến người khuyết tật

Ở Việt Nam:

- Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam được thông qua năm 1992 và được Quốc hội sửa đổi năm 2001. Việc bảo vệ người khuyết tật được quy định tại Điều 59 và 67.
- Luật Người khuyết tật của Việt Nam (2010) bao gồm việc thành lập Hội đồng Điều phối Quốc gia về Người khuyết tật liên ngành, ban hành quy định về tiếp cận không rào cản, các tiêu chuẩn về xây dựng công cộng và giao thông công cộng, và một số quy định về hòa nhập người khuyết tật trong Luật dạy nghề.
- Nghị định 28/2012/ND-CP hướng dẫn thi hành một số điều trong Luật Người khuyết tật.
- Kế hoạch Hành động Quốc gia Hỗ trợ Người khuyết tật Giai đoạn 2021-2030.

69. Khung khu vực ASEAN về Bảo vệ, Giới và Hòa nhập trong Quản lý thiên tai giai đoạn 2021-2025. Jakarta, Ban Thư ký ASEAN, tháng 10/2021.

Cung cấp nguồn lực cho các dịch vụ: Các dịch vụ xã hội thiết yếu để phòng ngừa và ứng phó với bạo lực cần phải có đủ nguồn lực.

- Phân tích ngân sách và tính toán chi phí dựa trên bằng chứng, đảm bảo phân bổ đầy đủ và đúng đắn cho các dịch vụ xã hội thiết yếu (bao gồm cả an sinh xã hội) nhằm ngăn ngừa và ứng phó với bạo lực phụ nữ và trẻ em.
- Lập ngân sách có tính đến người khuyết tật, đảm bảo có đủ nguồn vốn để xóa bỏ các rào cản tiếp cận các biện pháp phòng ngừa và ứng phó với bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em khuyết tật, đồng thời cung cấp các biện pháp can thiệp hướng đến đối tượng phụ nữ và trẻ em khuyết tật.
- Các quy trình vận hành tiêu chuẩn phù hợp được áp dụng cho tất cả các dịch vụ xã hội thiết yếu nhằm xác định cách thức vận hành sao cho quyền riêng tư và phẩm giá của phụ nữ và trẻ em được tôn trọng.

Nguồn nhân lực có tính đáp ứng giới và hòa nhập: Việc chuyên nghiệp hóa lực lượng công tác xã hội đòi hỏi phải phân định rõ ràng vai trò và trách nhiệm trong ngành, mô tả công việc được chuẩn hóa, giám sát có cấu trúc và quy định tỷ lệ khách hàng.[70] Cần tính đến và hỗ trợ các dịch vụ công tác xã hội có sự phối hợp liên quan đến BLPN và BLTE phù hợp với các khuyến nghị được đưa ra tại đây, bao gồm cả việc duy trì các chuyên môn riêng biệt.

Các chiến lược nguồn nhân lực phải mang tính đáp ứng giới và hòa nhập. Là một lĩnh vực chăm sóc, phụ nữ thường chiếm phần lớn trong lực lượng công tác xã hội, đặc biệt là ở cấp độ dịch vụ.[71] Nguồn nhân lực có tính đáp ứng giới cần thúc đẩy sự bình đẳng của phụ nữ trong công việc có trả lương, ví dụ như thông qua nghỉ phép có lương cho cha mẹ và các lựa chọn về dịch vụ chăm sóc trẻ em, cũng như thông qua các cơ hội nâng cao kỹ năng và thăng tiến lên các vị trí quản lý. Điều này cũng đòi hỏi sự giám sát đầy đủ để có thể phát triển kỹ năng.

Các đơn vị cung cấp dịch vụ và sự phối hợp: Các cơ quan công tác xã hội chính thức những lộ trình lãnh đạo, quản lý và giám sát rõ ràng cũng như những cơ chế phối hợp ở cấp quốc gia, địa phương và cộng đồng.

- Cơ quan lãnh đạo cấp quốc gia chính thức củng cố vai trò của lực lượng công tác xã hội một cách chiến lược trong việc điều phối và thúc đẩy các sáng kiến phòng chống và ứng phó với bạo lực.
- Tất cả các bên liên quan đều được tham gia tối đa ngay từ đầu. Trách nhiệm tập thể này nhận được sự hỗ trợ và tài trợ để thực hiện các kế hoạch.
- Các cơ cấu xác định yêu cầu về nhân sự dựa trên tỷ lệ phù hợp về cán bộ/dân số.[72]
- Các cơ cấu có tính đến vai trò của chính phủ với tư cách là người chịu trách nhiệm chính và bao gồm các giới hạn rõ ràng về mối quan hệ với những người ủng hộ phi chính phủ, các nhà vận động hành lang và các đơn vị cung cấp dịch vụ xã hội.
- Vai trò, trách nhiệm giải trình của nhân viên công tác xã hội chuyên nghiệp, bán chuyên và tình nguyện viên cấp quốc gia và địa phương được xác địfnh rõ ràng.
- Tại nơi lực lượng cung cấp dịch vụ xã hội riêng biệt đang hoạt động (ví dụ: nhà tạm trú cho phụ nữ và trẻ em gái, bộ phận bảo vệ trẻ em trong văn phòng dịch vụ xã hội, hỗ trợ tâm lý xã hội lấy phụ nữ làm trung tâm, v.v.), việc cung cấp dịch vụ cần xem xét đến những hành vi bạo lực xảy ra đồng thời.
- Các cơ cấu này có xem xét yêu cầu về giới của lực lượng, trong đó ưu tiên sự an toàn, an ninh và phúc lợi của phụ nữ và trẻ em bị bạo lực. Ví dụ, các quy định nêu rõ khi nào nam nhân viên công tác xã hội có thể và không thể làm việc một mình với các NBBL là phụ nữ và trẻ em.

70. Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc. (2019). Hướng dẫn tăng cường lực lượng cung cấp dịch vụ xã hội để bảo vệ trẻ em.
71. Văn phòng UNICEF Đông Á và Thái Bình Dương và Liên minh lực lượng cung cấp dịch vụ xã hội toàn cầu (2019). Lực lượng cung cấp dịch vụ xã hội khu vực Đông Á và Thái Bình Dương: Đánh giá Đa quốc gia, UNICEF.
72. Liên minh lực lượng cung cấp dịch vụ xã hội toàn cầu và Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc. (2022). Đề xuất hướng dẫn và công cụ để chi phí cho lực lượng cung cấp dịch vụ xã hội. Kết quả rà soát tài liệu và hướng dẫn từng bước.

- Các cơ chế hợp tác và phối hợp chính thức thường xuyên và có hệ thống với các cán bộ khác - về y tế, tư pháp và chính sách, và giáo dục - được áp dụng ở cấp quốc gia và địa phương cho hành động đa ngành về phòng ngừa và ứng phó bạo lực.

Lập kế hoạch có nhiều bên tham gia và trách nhiệm giải trình: NBBL là phụ nữ và người trưởng thành từng bị bạo lực khi còn nhỏ nên tham gia vào quá trình lập kế hoạch, thiết kế và đánh giá hệ thống dịch vụ xã hội.

- NBBL được tư vấn trong quá trình lập kế hoạch, giám sát và đánh giá các dịch vụ phòng ngừa và ứng phó với bạo lực.
- Ai cũng có khả năng tiếp cận các cơ chế khiếu nại (ví dụ, có tính đến các hạn chế về trình độ đọc viết và ngôn ngữ, bảo mật và an toàn cho phụ nữ và trẻ em trong tiếp cận, đưa ra các giải pháp cụ thể cho phụ nữ và trẻ em khuyết tật, v.v.), và công bố các báo cáo định kỳ.

Trách nhiệm giải trình của lực lượng phụ trách: có các cơ chế để yêu cầu trách nhiệm giải trình từ lực lượng cung cấp dịch vụ xã hội, tuân theo một bộ tiêu chuẩn và quy tắc đạo đức.

- Các cơ quan và dịch vụ phòng ngừa và ứng phó với bạo lực đối với phụ nữ, trẻ em gái phải tuân theo các tiêu chuẩn tối thiểu chính thức và được xem xét đánh giá theo giai đoạn định kỳ nhất định.
- Có một hệ thống đăng ký nghề nghiệp dành cho nhân viên công tác xã hội thông qua hội đồng quốc gia, một cơ quan công lập nhằm nâng cao chất lượng hoạt động công tác xã hội, thúc đẩy và duy trì các tiêu chuẩn và đạo đức nghề nghiệp.
- Chỉ định một tổng thanh tra, người bào chữa cho công dân hoặc thanh tra viên điều tra các khiếu nại cụ thể liên quan đến các cơ cấu lực lượng dịch vụ xã hội (những khiếu nại không thể giải quyết theo các cơ chế thông thường).

7. Phát triển kiến thức và kỹ năng, chuyên nghiệp hóa lực lượng cung cấp dịch vụ xã hội trong các dịch vụ liên quan đến BLTE và BLPN

Việc tăng cường lực lượng công tác xã hội bao gồm hướng dẫn và phát triển kỹ năng dựa trên khung năng lực được thống nhất, quy định và chứng nhận của các nhà cung cấp dịch vụ giáo dục và hướng dẫn, đồng thời đánh giá và giải quyết những khoảng trống và điểm yếu của nguồn nhân lực.

Những nỗ lực nhằm chuyên nghiệp hóa lực lượng công tác xã hội nên áp dụng cách tiếp cận toàn hệ thống, tập trung vào BLPN và BLTE. Một phần quan trọng của quá trình này là phát triển kiến thức và kỹ năng thông qua **thí điểm, xác nhận và áp dụng các phương pháp xây dựng năng lực hiệu quả phù hợp với bối cảnh**, bao gồm đào tạo giảng viên nguồn (ToT), tập huấn và các phương thức học tập từ xa.

Xây dựng quan hệ đối tác với các tổ chức đại học cũng được khuyến khích nhằm **đưa nội dung phòng ngừa và ứng phó bạo lực vào chương trình giảng dạy trước khi vào nghề đối với các lĩnh vực có liên quan** (điều dưỡng, y học, công tác xã hội, nhà giáo dục, chuyên gia thực thi pháp luật, v.v.). Hỗ trợ các chương trình giáo dục, chẳng hạn như giới thiệu việc làm và các chương trình trao đổi cũng có thể thúc đẩy chuyên môn hóa về BLPN và/hoặc BLTE.

Học tập liên tục trong khi làm việc cũng rất quan trọng đối với các nhân viên công tác xã hội tập sự, cán bộ bán chuyên và tình nguyện viên phòng chống BLPN và BLTE. Bao gồm: các cơ hội chia sẻ kinh nghiệm, kiến thức và học tập về BLPN-BLTE cho lực lượng cung cấp dịch vụ xã hội cũng như cán bộ các ngành và các bên đa ngành có liên quan. Cần tận dụng những cơ hội này nhằm tăng cường mối quan hệ giữa các bên cũng như nâng cao hoạt động dịch vụ tích hợp và phối hợp khi thích hợp để có các hệ thống phòng chống BLPN và BLTE toàn diện.

Các chương trình hướng dẫn cần nhấn mạnh việc cần có một cách tiếp cận riêng đối với trẻ em và các quy trình dành riêng cho trẻ em. Nên tránh các hành vi mang tính chất tượng trưng, chẳng hạn như "thêm" trẻ em vào phiên xét xử BLPN. Ngược lại, các phiên xét xử BLTE nên áp dụng cách tiếp cận khác biệt của BLPN, trong đó ưu tiên tăng quyền năng cho NBBL với tư cách là người ra quyết định và kêu gọi sự chú ý đến vấn đề lạm dụng trẻ em có đặc thù về giới, chẳng hạn như bạo lực giới đối với trẻ em gái. Như đã lưu ý (xem Bảo vệ: *Mô hình dịch vụ công tác xã hội dành cho BLPN và BLTE*), việc hướng dẫn cũng nên bao gồm nội dung tập trung cụ thể về bạo lực do bạn tình gây ra và tác động đối với trẻ em, cũng như sự xảy ra đồng thời của bạo lực do bạn tình gây ra và lạm dụng trẻ em, để có thể điều phối các dịch vụ mang tính nhạy cảm với trẻ em, thân thiện với trẻ vị thành niên và lấy NBBL làm trung tâm.

Những nỗ lực nhằm chuyên nghiệp hóa lực lượng công tác xã hội cần đảm bảo **sự tham gia thực chất của các đơn vị cung cấp dịch vụ dựa vào cộng đồng và do phụ nữ lãnh đạo**. Không kết hợp với các đơn vị trên trong nỗ lực hướng tới sự chuyên nghiệp hóa là bỏ lỡ kinh nghiệm phong phú của họ với tư cách là nhà cung cấp tuyến đầu chủ yếu trong các cộng đồng chưa được phục vụ đầy đủ và làm suy giảm trách nhiệm giải trình đối với những NBBL, gây ảnh hưởng đến hiệu quả chung của các dịch vụ.[73] Các tổ chức vì quyền phụ nữ và các đại diện từ các dịch vụ dựa vào cộng đồng nên tham gia vào quá trình này ngay từ đầu, ví dụ như thông qua việc tham gia vào các cơ chế lập kế hoạch và điều phối chuyên nghiệp hóa dịch vụ xã hội. Các quy trình chứng nhận theo giai đoạn, bao gồm các hành động giúp các đơn vị cung cấp nhỏ hơn đáp ứng các yêu cầu chứng nhận, có thể giúp tránh thay thế họ trong khi chính thức hóa các dịch vụ.

73. Stanley, N. và Humphreys, C. (2006). 'Công việc đa cơ quan và đa ngành: Rào cản và cơ hội': C. Humphries và N. Stanley. Bạo lực gia đình và bảo vệ trẻ em: Hướng dẫn thực hành tốt.

8. Hỗ trợ lực lượng cung cấp dịch vụ xã hội cho dịch vụ liên quan đến BLTE và BLPN

Hỗ trợ giám sát chuyên môn: Việc giám sát có cấu trúc được cung cấp, theo cá nhân và theo nhóm, nhằm hướng dẫn nhân viên công tác xã hội tại chức phải hỗ trợ nâng cao kiến thức và kỹ năng thực hành về BLPN và BLTE, phát triển thực hành phản ánh và điều phối xử lý trường hợp. Điều này đòi hỏi bản thân người giám sát phải có hiểu biết sâu sắc về BLPN, BLTE và mối quan hệ tương quan giữa hai vấn đề, bao gồm cả những vấn đề liên quan đến cung cấp các dịch vụ công tác xã hội.

Tự chăm sóc cho cán bộ công tác xã hội

Hỗ trợ những người bị ảnh hưởng bởi BLPN/BLTE là một trải nghiệm ý nghĩa đối với nhiều người, nhưng đôi khi cũng đi kèm với mức độ căng thẳng cao. Ngoài ra, cũng cần cân nhắc các vấn đề như chịu tổn thương gián tiếp, căng thẳng và kiệt sức. Các cán bộ cần phải được thường xuyên giám sát, có cơ hội trao đổi, chia sẻ với đồng nghiệp trong tổ chức và có kế hoạch tự chăm sóc bản thân.

Nguồn nhân lực bền vững đòi hỏi phải có hệ thống hỗ trợ sức khỏe tâm thần cho những người cung cấp dịch vụ tuyến đầu về bảo vệ trẻ em và chống BLPN. Trong bối cảnh BLPN khá phổ biến và tỷ lệ phụ nữ trong lực lượng công tác xã hội khá cao, nhiều nhân viên công tác xã hội cũng sẽ là NBBL. Vì những lý do trên, phải luôn có sẵn thông tin và các đầu mối cung cấp dịch vụ sức khỏe tâm thần cũng như các dịch vụ chống BLPN đa ngành. Nhân viên công tác xã hội sẽ có mối quan hệ chuyên môn với các đơn vị cung cấp dịch vụ khác. Vì vậy, các đầu mối giới thiệu nên bao gồm nhiều lựa chọn để đảm bảo nhân viên công tác xã hội có thể tìm kiếm sự hỗ trợ từ đơn vị cung cấp mà họ muốn, và đảm bảo được tính bảo mật thông tin của họ.

An toàn và bảo vệ nơi làm việc cho lực lượng cung cấp dịch vụ xã hội

Đảm bảo an toàn tại nơi làm việc là rất cần thiết để đảm bảo duy trì lực lượng cung cấp dịch vụ xã hội đầy đủ và hiệu quả, đồng thời tạo ra một môi trường chữa lành cho phụ nữ, trẻ em bị bạo lực. Hầu hết khách hàng và các gia đình mà nhân viên công tác xã hội hỗ trợ không mang lại mối đe dọa hoặc gây nguy hiểm. Tuy nhiên, trong trường hợp có thể phát sinh các mối đe dọa, ví dụ như trong các dịch vụ bảo vệ trẻ em hoặc cung cấp nơi tạm trú cho người bị bạo lực gia đình, những người đứng đầu nên chuẩn bị sẵn hướng dẫn giải quyết một cách thích hợp. Các tổ chức thuê nhân viên công tác xã hội cần xây dựng và duy trì một nền văn hóa ưu tiên sự an toàn và an ninh cho nhân viên của họ.

Hợp tác liên ngành

Hợp tác liên ngành cũng rất quan trọng. Cần nghiên cứu, hướng dẫn cách phối hợp liên ngành trong quá trình cung cấp dịch vụ và các hoạt động liên quan của y tế, giáo dục, tư pháp, công an, tòa án, viện kiểm sát và các tổ chức xã hội khác. Hợp tác liên ngành sẽ giúp cho việc cung cấp dịch vụ trở nên toàn diện, hiệu quả, bền vững, thân thiện hơn.

PHỤ LỤC 1: Cam kết khu vực và quốc gia về quyền con người, quyền trẻ em, bình đẳng giới và quyền an sinh xã hội

Toàn cầu	Công ước về Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử đối với phụ nữ (CEDAW)	1979
	Công ước về Liên hợp quốc về Quyền trẻ em (CRC)	1989
	Công ước về Quyền của Người khuyết tật (CRPD)	2006
	Chương trình Nghị sự 2030 về Phát triển bền vững - Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDG) SDG 1.3: Triển khai trên toàn quốc các hệ thống và các biện pháp an sinh xã hội thích hợp cho mọi người, bao gồm cả các chính sách sàn an sinh xã hội và đến năm 2030 đạt được diện bao phủ đáng kể cho người nghèo và những người dễ bị tổn thương SDG 5.2: Giảm đáng kể mọi hình thức bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái nơi công cộng hoặc nơi riêng tư, bao gồm cả việc mua bán, bóc lột tình dục và các hình thức bóc lột khác SDG 5.3: Loại bỏ tất cả các thực hành có hại như tảo hôn, kết hôn trẻ em, hôn nhân cưỡng bức và cắt bỏ bộ phận sinh dục nữ. SDG 16.2: Chấm dứt lạm dụng, bóc lột, buôn bán và mọi hình thức bạo lực, tra tấn trẻ em.	
Khu vực	Tuyên bố ASEAN về Bảo vệ và thúc đẩy Quyền của người lao động di cư	2007
	Tuyên bố Hà Nội về Tăng cường Phúc lợi và Phát triển của Phụ nữ và Trẻ em ASEAN	2010
	Tuyên bố Bali về tăng cường vai trò và sự tham gia của người khuyết tật trong cộng đồng ASEAN và Khung huy động của Thập kỷ ASEAN về Người khuyết tật Kế hoạch tổng thể hỗ trợ ASEAN 2025: Lồng ghép quyền của người khuyết tật	2011 2018
	Tuyên bố về Xóa bỏ BLPN trong Khu vực ASEAN Kế hoạch Hành động Khu vực ASEAN về Xóa bỏ BLPN	2012 2016
	Tuyên bố ASEAN về Tăng cường an sinh xã hội Khuôn khổ và Kế hoạch Hành động Khu vực nhằm Thực hiện Tuyên bố ASEAN về Tăng cường an sinh xã hội	2013 2018
	Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025	2015
	Tuyên bố Kuala Lumpur về Già hóa: Tăng cường quyền năng cho người cao tuổi trong khu vực ASEAN	2015
	Kế hoạch Hành động Khu vực ASEAN về Xóa bỏ BLTE [Bao gồm Tuyên bố về Xóa bỏ BLPN và Xóa bỏ BLTE ở ASEAN năm 2013]	2016
	Tổng thể Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN 2025	2016
	Đồng thuận ASEAN về bảo vệ quyền của người lao động di cư Tuyên bố ASEAN về Quyền Trẻ em trong Bối cảnh Di cư	2017 2019
	Tuyên bố về Bảo vệ Trẻ em khỏi mọi hình thức bóc lột và lạm dụng trực tuyến trong khu vực ASEAN	2019
	Tuyên bố chung của Hội nghị Bộ trưởng ASEAN về Phúc lợi xã hội và Phát triển về Giảm thiểu Tác động của Covid-19 đối với các Nhóm dễ bị tổn thương	2020
	Tuyên bố Hà Nội về Thúc đẩy công tác xã hội hướng đến một Cộng đồng ASEAN gắn kết và chủ động thích ứng Lộ trình thực hiện Tuyên bố Hà Nội về Thúc đẩy công tác xã hội hướng đến một Cộng đồng ASEAN gắn kết và chủ động thích ứng	2020 2021
	Khung Bảo vệ, Giới và Hòa nhập trong Quản lý thiên tai khu vực ASEAN 2021-2025 (ARF-PGI)	2021

PHỤ LỤC 2. Các hướng dẫn khung toàn cầu về phòng ngừa và ứng phó với bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em

Hướng dẫn Quốc tế về HIV/AIDS và Nhân quyền	2006
Hướng dẫn Chăm sóc Thay thế cho Trẻ em: nghị quyết / được Đại hội đồng thông qua	2010
Gói dịch vụ thiết yếu dành cho phụ nữ và trẻ em gái bị bạo lực	2015
INSPIRE: Bảy chiến lược về chấm dứt BLTE	2016
Hướng dẫn tăng cường lực lượng công tác dịch vụ xã hội bảo vệ trẻ em	2019
TÔN TRỌNG Phụ nữ: Tài liệu khung về phòng ngừa BLPN	2019

PHỤ LỤC 3. Khái niệm về lực lượng cung cấp dịch vụ xã hội

Những khái niệm này thống nhất với Điều IV trong Lộ trình thực hiện Tuyên bố Hà Nội về Thúc đẩy công tác xã hội hướng đến một Cộng đồng ASEAN gắn kết và chủ động thích ứng và được điều chỉnh từ định nghĩa Lực lượng lao động của Liên minh lực lượng cung cấp dịch vụ xã hội toàn cầu (GSSWA)

Lực lượng công tác xã hội	Bao gồm các cán bộ chuyên trách và bán chuyên thuộc chính phủ và phi chính phủ, cùng tình nguyện viên cấp cộng đồng, là những người làm việc với trẻ em, thanh thiếu niên, nam nữ trưởng thành, người cao tuổi, gia đình và cộng đồng, tập trung vào những người có nhu cầu bổ sung, đang ở trong tình huống hoặc có nguy cơ dễ bị tổn thương, để bảo vệ và đảm bảo sự phát triển lành mạnh, phúc lợi và thực hiện quyền của họ. Để làm được điều này, lực lượng cung cấp dịch vụ xã hội cần mang lại dịch vụ có tính phòng ngừa, ứng phó và thúc đẩy, dựa trên hiểu biết về khoa học xã hội và nhân văn, kiến thức bản địa, kiến thức và kỹ năng liên ngành và cụ thể theo chuyên ngành, cùng các nguyên tắc đạo đức. Nhân viên công tác xã hội thu hút sự tham gia mọi người, các cơ quan và tổ chức để tạo điều kiện tiếp cận các dịch vụ cần thiết, giảm nghèo, giảm thách thức, giảm phân biệt đối xử và cô lập xã hội, thúc đẩy công bằng xã hội và nhân quyền, ngăn ngừa và ứng phó với bạo lực, lạm dụng, bóc lột, bỏ bê và chia tách khỏi gia đình. Lực lượng lao động này mở rộng ra và bao gồm những người làm trong nghề, nhà nghiên cứu, nhà quản lý và nhà giáo dục. Nhân viên dịch vụ xã hội bao gồm cán bộ công tác xã hội, cán bộ phụ trách ca, cán bộ cộng đồng, cán bộ quản lý ca - bao gồm cả những người làm việc với các nhóm cụ thể hoặc về các vấn đề cụ thể, ví dụ như nhân viên bảo vệ trẻ em và chăm sóc thanh thiếu niên, những người chuyên giải quyết bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em, và những người làm việc với người khuyết tật, người có nhu cầu chăm sóc sức khỏe tâm thần, người di cư và người cao tuổi. Mỗi quốc gia xác định chức danh và chức năng của công việc này khác nhau, phù hợp với luật pháp, chính sách, văn hóa, truyền thống địa phương và sự phát triển lịch sử của các vai trò và ngành nghề này trong từng bối cảnh.

Nghề công tác xã hội	Là nghề hàng đầu và cốt lõi trong lực lượng cung cấp dịch vụ xã hội. Đây là một nghề dựa trên thực tiễn và một ngành học thuật nhằm thúc đẩy sự thay đổi và phát triển xã hội, sự gắn kết và tham gia xã hội cũng như tăng quyền năng và giải phóng con người. Các nguyên tắc công bằng xã hội, quyền con người, tính đáp ứng giới, nhạy cảm về văn hóa, trách nhiệm tập thể và tôn trọng sự đa dạng là trọng tâm của công tác xã hội. Được củng cố bởi các lý thuyết về công tác xã hội, khoa học xã hội, nhân văn và kiến thức bản địa, công tác xã hội thu hút sự tham gia của mọi người và các tổ chức nhằm giải quyết các thách thức trong cuộc sống và nâng cao phúc lợi.
Nhân viên công tác xã hội	Các cán bộ chuyên trách có bằng cấp học thuật, thúc đẩy thay đổi và phát triển xã hội, gắn kết xã hội và tăng quyền năng cho mọi người. Tuy nhiên, ở nhiều quốc gia, thuật ngữ "nhân viên công tác xã hội" được sử dụng theo nghĩa chung để nói đến những người có thể đang cung cấp những dịch vụ này nhưng thiếu bằng cấp chính quy.[74] Nhân viên công tác xã hội làm việc với các nhóm cụ thể hoặc về vấn đề cụ thể, thường liên quan đến tương tác với các cá nhân và nhóm dân số từng chịu tổn thương. Chính vì vậy, họ có những kỹ năng cụ thể phù hợp với những nhu cầu này, cần thiết để đảm bảo cách tiếp cận không gây hại. Nhân viên công tác xã hội cũng thường đóng vai trò chủ chốt trong việc điều phối giữa các cơ quan, phát triển hệ thống, cũng như xây dựng, thực hiện và giám sát chính sách.
Cán bộ bán chuyên hoặc nhân viên công tác xã hội bán chuyên	Những người được tập huấn thông qua các chương trình hướng dẫn không cấp bằng để thực hiện một số chức năng công tác xã hội nhất định, đồng thời làm việc bên cạnh hoặc hỗ trợ công việc của một chuyên gia trong cùng lĩnh vực. Họ tìm cách đáp ứng nhu cầu của các cá nhân trong các tình huống và nhóm dễ bị tổn thương thông qua tiếp cận và hỗ trợ ở cấp cộng đồng và đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp các dịch vụ xã hội, đặc biệt là ở những nơi có nguồn lực hạn chế. Các cán bộ bán chuyên đóng nhiều vai trò khác nhau như nhân viên được trả lương hoặc tình nguyện viên.

74. Liên minh lực lượng cung cấp dịch vụ xã hội toàn cầu. Định nghĩa toàn cầu về Công tác xã hội. (2014).
75. Lộ trình ASEAN về Thực hiện Tuyên bố Hà Nội về Thúc đẩy công tác xã hội hướng đến một Cộng đồng ASEAN gắn kết và chủ động thích ứng.

Cán bộ ở các ngành liên quan	Các cán bộ chuyên trách và cán bộ bán chuyên trách làm việc trong các lĩnh vực như giáo dục, y tế hoặc tư pháp, những người có vai trò quan trọng liên quan đến chăm sóc, hỗ trợ, phòng ngừa, tăng quyền năng cũng như bảo vệ và thúc đẩy quyền của người dân. Về cơ bản, họ không phải là nhà cung cấp dịch vụ xã hội mà chịu trách nhiệm thực hiện vai trò chuyên môn trong lĩnh vực riêng của họ. Vai trò và trách nhiệm của họ có thể là chìa khóa giúp cung cấp hiệu quả các dịch vụ xã hội (ví dụ, cán bộ trong nhà trường có thể đảm bảo sắp xếp nhập học và hỗ trợ thêm tại trường cho những trẻ em được chuyển đến sống với người chăm sóc nhận nuôi, họ hàng; cán bộ bệnh viện phối hợp chặt chẽ với các y tá, nhân viên chăm sóc và nhân viên công tác xã hội trong cộng đồng khi chuẩn bị cho người già dễ bị tổn thương hoặc người khuyết tật xuất viện; và đối với những bà mẹ và trẻ em từng bị bạo lực gia đình, chính quyền địa phương sắp xếp nhà ở phù hợp với giá cả phải chăng, đồng thời phối hợp với công an và các dịch vụ xã hội lên kế hoạch an toàn). Tương tự, đổi lại, lực lượng cung cấp dịch vụ xã hội có thể giúp tăng hiệu quả các dịch vụ cung cấp bởi các ngành liên quan. Ví dụ, sức khỏe có thể được nâng cao trong phòng ngừa, điều trị, phục hồi chức năng và tái hòa nhập thông qua việc giải quyết các yếu tố xã hội và môi trường có liên quan đến bệnh tật và tình trạng sức khỏe mãn tính.[75] Các cán bộ trong các ngành cộng tác chặt chẽ với lực lượng cung cấp dịch vụ xã hội, liên kết với các nhóm chuyên môn khác, chẳng hạn như bác sĩ, y tá, luật sư, thẩm phán, giáo viên và cảnh sát.
Tình nguyện viên	Các tình nguyện viên đóng góp cho lĩnh vực dịch vụ xã hội không phải là một nhóm đồng nhất. Họ có thể là chuyên gia, cán bộ bán chuyên hoặc không chuyên, nhận hoặc không nhận trợ cấp. Tình nguyện viên đóng vai trò hỗ trợ bằng cách bổ sung vào những khoảng trống mà đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn hoặc cán bộ bán chuyên được trả lương không thể đáp ứng được, thường là ở cấp cộng đồng. Các tình nguyện viên phải tuân thủ các nguyên tắc đạo đức cốt lõi trong hướng dẫn ngành dịch vụ xã hội, với giá trị bao trùm là “không gây hại”. Các tổ chức, cán bộ chuyên trách và bán chuyên sử dụng dịch vụ của tình nguyện viên phải có trách nhiệm kiểm soát hành vi của tình nguyện viên, đảm bảo tình nguyện viên có đủ năng lực, kỹ năng, được hướng dẫn, hỗ trợ và giám sát cần thiết để tham gia công việc một cách an toàn trong những môi trường cụ thể. Nhiều nhân viên công tác xã hội chuyên nghiệp và thành viên khác của lực lượng cung cấp dịch vụ xã hội bắt đầu sự nghiệp của mình từ kinh nghiệm làm tình nguyện viên và trải nghiệm với vai trò tình nguyện viên như một bước đệm để gia nhập lực lượng, đây là điều cần được khuyến khích. Sự phát triển nghề nghiệp này phải được đưa vào khuôn khổ nghề nghiệp, quản lý và dựa trên năng lực, cho phép những cá nhân tuyến đầu phục vụ cộng đồng địa phương trên cơ sở tự nguyện có cơ hội thăng tiến lên các cấp độ chuyên môn cao hơn, sau khi được tập huấn dựa trên năng lực và thực hành được giám sát.

Phụ lục 4: Tổng hợp các biện pháp ứng phó tích hợp của các Quốc gia thành viên ASEAN về BLPN và BLTE

Các Quốc gia thành viên ASEAN	Các thực hành tốt về luật và chính sách hỗ trợ hoạt động công tác xã hội và cán bộ tuyến đầu (người cung cấp dịch vụ) nhằm giải quyết các vụ việc có liên hệ giữa BLPN và BLTE	Các quy trình, hướng dẫn hoặc công cụ hỗ trợ đảm bảo tính phối hợp và/hoặc tích hợp trong quản lý ca về BLPN và BLTE	Các thực hành tốt trong việc tăng cường lực lượng công tác xã hội hoặc mọi cán bộ tuyến đầu (người cung cấp dịch vụ) nhằm giải quyết các vụ việc có liên hệ giữa BLPN và BLTE và phòng ngừa, ứng phó với BLPN và BLTE	Các công cụ hoặc tài liệu nâng cao năng lực/tập huấn về BLPN và BLTE (bằng tiếng Anh hoặc (các) ngôn ngữ bản địa)
Campuchia	Campuchia có luật Phòng chống Bạo lực Gia đình và Bảo vệ Người bị bạo lực (Luật về BLGĐ năm 2006) trong đó hướng đến cả phụ nữ và trẻ em. Chính phủ Campuchia đang nghiên cứu xây dựng luật bảo vệ trẻ em và hiện đang ở giai đoạn sửa đổi cuối cùng trước khi trình Quốc hội. Luật bảo vệ trẻ em tạo ra mối liên hệ giữa BLPN và BLTE khi xác định vai trò của Ban tư vấn Phụ nữ và Trẻ em và Hội đồng Phụ nữ cấp xã trong việc cung cấp các dịch vụ phòng ngừa cho trẻ em và gia đình. Đạo luật về bạo lực gia đình sẽ được sửa đổi. Bộ Phụ nữ đã bắt đầu tham vấn về việc sửa đổi luật vào giữa năm 2023. Hiện luật về bạo lực gia đình đã phần nào đề cập đến mối liên kết giữa BLPN và BLTE, ví dụ trong điều 2: "Bạo lực gia đình là bạo lực xảy ra và có thể xảy ra đối với:1-Chồng hoặc vợ; 2-Con cái là người phụ thuộc; 3-Người sống chung nhà và phụ thuộc trong hộ gia đình".	Với sự hỗ trợ của UNICEF, Bộ Phụ nữ đã xây dựng Tài liệu hướng dẫn lồng ghép BLG vào Quy trình thực hành chuẩn (SOP) về Bảo vệ Trẻ em và Quản lý ca Primero. Bộ Phụ nữ đã tích hợp Chiến lược và Chương trình Nuôi dạy con tích cực có tính đáp ứng giới vào Kế hoạch chiến lược 5 năm NEARY RAtTaNaK 5 về Tăng cường lồng ghép giới và tăng quyền năng cho phụ nữ giai đoạn 2019-2023. Theo Chiến lược 2 - giáo dục cho phụ nữ và trẻ em. Vui lòng xem tại link sau: Neary-Rattanak-V-final-Eng.pdf (mowa.gov.kh) Bộ Phụ nữ cũng đã xây dựng Chiến lược và Bộ công cụ Nuôi dạy con tích cực dành cho cha mẹ và người chăm sóc trẻ nhằm phòng ngừa, ứng phó với BLTE và bạo lực gia đình.	Với sự hỗ trợ của UNFPA, các sáng kiến nhằm tăng cường hoạt động công tác xã hội ứng phó với bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái đã được thực hiện, trong đó bao gồm rà soát và triển khai các chương trình đào tạo tại chức và đào tạo chính quy cũng như các chương trình nâng cao năng lực để củng cố chất lượng các dịch vụ phối hợp thực hiện giữa ngành y tế, tư pháp, cảnh sát và xã hội. Hệ thống dữ liệu quản lý hành chính về bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái cũng đang được củng cố nhằm cung cấp các dịch vụ phối hợp tốt hơn và tạo điều kiện xây dựng các chính sách dựa trên bằng chứng.	Bộ Xã hội, Cựu chiến binh và Phục hồi chức năng Thanh niên đã xây dựng Hướng dẫn về Năng lực Cơ bản cho lực lượng cung cấp dịch vụ xã hội (2019) và mô-đun đào tạo về BLG (2022).

Các Quốc gia thành viên ASEAN	Các thực hành tốt về luật và chính sách hỗ trợ hoạt động công tác xã hội và cán bộ tuyến đầu (người cung cấp dịch vụ) nhằm giải quyết các vụ việc có liên hệ giữa BLPN và BLTE	Các quy trình, hướng dẫn hoặc công cụ hỗ trợ đảm bảo tính phối hợp và/hoặc tích hợp trong quản lý ca về BLPN và BLTE	Các thực hành tốt trong việc tăng cường lực lượng công tác xã hội hoặc mọi cán bộ tuyến đầu (người cung cấp dịch vụ) nhằm giải quyết các vụ việc có liên hệ giữa BLPN và BLTE và phòng ngừa, ứng phó với BLPN và BLTE	Các công cụ hoặc tài liệu nâng cao năng lực/tập huấn về BLPN và BLTE (bằng tiếng Anh hoặc (các) ngôn ngữ bản địa)
Indonesia	Nhằm thực thi các luật liên quan đến dịch vụ bảo vệ phụ nữ và trẻ em khỏi bạo lực, Chính phủ Indonesia đã giới thiệu một mô hình dịch vụ tích hợp mang tên Cơ quan dịch vụ tích hợp bảo vệ phụ nữ và trẻ em bị bạo lực (UPTPPA). Các khung pháp lý và hướng dẫn kỹ thuật, bao gồm tiêu chuẩn dịch vụ và SOP về quản lý ca, đã được Bộ Nội vụ và Bộ Nâng quyền cho Phụ nữ & Bảo vệ Trẻ em ban hành dưới dạng Nghị định và Thông tư cấp Bộ cho 37 tỉnh và hơn 514 cơ quan quản lý/Thành phố để tham khảo. Xem ví dụ về các hoạt động phòng chống HIV tại vùng Trung Java. Ba Quy định của Thống đốc bao gồm: Điều 6 và Điều 8 trong Quy định số 21 năm 2021 của Thống đốc Trung Java về triển khai các dịch vụ tích hợp dành cho phụ nữ và trẻ em bị bạo lực, bóc lột và phân biệt đối xử	Quy định số 2 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nâng quyền cho Phụ nữ & Bảo vệ Trẻ em đưa ra các Tiêu chuẩn Dịch vụ nhằm Bảo vệ Phụ nữ và Trẻ em bị bạo lực, đi kèm các quy trình dịch vụ, SOP và biểu mẫu quản lý ca. Phụ lục của quy định cấp bộ này cũng là một quy trình triển khai dịch vụ hướng dẫn phối hợp với các bên cung cấp dịch vụ có liên quan và cần thiết để bảo vệ phụ nữ và trẻ em bị bạo lực. Với sự hỗ trợ của UNICEF và UNFPA, Bộ đang tăng cường hệ thống quản lý thông tin để hỗ trợ công tác quản lý thông tin về các dịch vụ liên quan đến BLPN và BLTE. Hệ thống được sử dụng là SIMFONI-PPA. Hơn nữa, cũng nhờ sự hỗ trợ của UNFPA, Bộ Nâng quyền cho Phụ nữ & Bảo vệ Trẻ em và Cơ quan Thống kê Trung ương thường xuyên thực hiện các cuộc điều tra về tỷ lệ bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái (2016, 2021). Cuộc điều tra tiếp theo dự kiến thực hiện vào năm 2024.	Bộ Xã hội đã xây dựng mô-đun đào tạo cho các cán bộ hỗ trợ xã hội về ngăn chặn bạo lực và điều trị cho phụ nữ và trẻ em bị bạo lực. Các mô-đun đào tạo này đã được sử dụng rộng rãi để đào tạo nhân viên tuyến đầu của chương trình an sinh xã hội và phục hồi xã hội. Năm 2019, Bộ Y tế đã ban hành Chương trình đào tạo giảng viên nguồn về Dịch vụ Y tế cho Phụ nữ và Trẻ em là nạn nhân của Bạo lực và Buôn bán Người. Trong giai đoạn đại dịch, UNDP Indonesia đã phối hợp với Viện Nghiên cứu và Phát triển UHAMKA ưu tiên củng cố cơ chế chuyển gửi cho người bị bạo lực giới tại 9 khu vực của DKI Jakarta, Thành phố Depok, Thành phố Bogor, Thành phố Bekasi, Thành phố Nam Tangerang, Thành phố Palu, Thành phố Jaya Pura, Jayapura Regency và Cảnh sát khu vực Papua, và thành phố Surabaya. https://www.undp.org/indonesia/news/ collaboration-support-survivors-gender-based-violence-scaled-during-covid-19-pandemic Mạng lưới Đơn vị cung cấp Dịch vụ Toàn diện để Bảo vệ Phụ nữ và Trẻ em bị Bạo lực đã được thành lập. Với sự hỗ trợ của UNFPA, Bộ Nâng quyền cho Phụ nữ & Bảo vệ Trẻ em đang tăng cường các cơ chế phối hợp do chính phủ chỉ đạo nhằm thực hiện các sáng kiến đa ngành phòng ngừa và ứng phó với bạo lực phụ nữ và trẻ em gái, ngay cả trong bối cảnh hoạt động nhân đạo, nhằm cung cấp các dịch vụ toàn diện chất lượng cao cho những người bị bạo lực. Chương trình đào tạo tại chức và chính quy cho cán bộ công tác xã hội về ngăn chặn BLPN đang được xây dựng, trong đó bao gồm mô-đun về bạo lực đối với trẻ em gái vị thành niên.	Chương trình đào tạo giảng viên nguồn của về Dịch vụ Y tế cho Phụ nữ và Trẻ em là nạn nhân của Bạo lực và Buôn bán Người, 2019.

Các Quốc gia thành viên ASEAN	Các thực hành tốt về luật và chính sách hỗ trợ hoạt động công tác xã hội và cán bộ tuyến đầu (người cung cấp dịch vụ) nhằm giải quyết các vụ việc có liên hệ giữa BLPN và BLTE	Các quy trình, hướng dẫn hoặc công cụ hỗ trợ đảm bảo tính phối hợp và/hoặc tích hợp trong quản lý ca về BLPN và BLTE	Các thực hành tốt trong việc tăng cường lực lượng công tác xã hội hoặc mọi cán bộ tuyến đầu (người cung cấp dịch vụ) nhằm giải quyết các vụ việc có liên hệ giữa BLPN và BLTE và phòng ngừa, ứng phó với BLPN và BLTE	Các công cụ hoặc tài liệu nâng cao năng lực/tập huấn về BLPN và BLTE (bằng tiếng Anh hoặc (các) ngôn ngữ bản địa)
Philippines	Philippines có rất nhiều luật liên quan đến hoạt động công tác xã hội hỗ trợ thúc đẩy tính bổ sung cho nhau giữa các dịch vụ BLPN và BLTE: (4) Đạo luật Cộng hòa (Luật CH) số 9262, Đạo luật chống bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em đề cập cách thức tiếp cận các dịch vụ chống BLG đa ngành và các biện pháp pháp lý khác cho những người bị BLPN hoặc BLTE. Luật cũng công nhận tác động của bạo lực do chồng/ bạn tình gây ra đối với trẻ em (với tư cách là người bị bạo lực, người chứng kiến, hoặc công cụ để thao túng/ kiểm soát phụ nữ/ người vợ/ người mẹ). Luật pháp hướng đến bảo vệ phụ nữ và trẻ em, bao gồm thông qua cung cấp dịch vụ. Luật đã thành lập các Ban phụ trách BLPN trong cộng đồng (Ban về BLPN của barangay), từ đó đã mở rộng ra BLTE dựa trên hiểu biết về mối liên hệ giữa BLPN và BLTE. UNICEF hỗ trợ việc lồng ghép hoạt động này đặc biệt trong giai đoạn ứng phó với Bão Hải Yến năm 2014. Ngoài ra quốc gia này cũng thành lập Liên đoàn Cán bộ phụ trách BLPN và BLTE cấp barangay thuộc Thành phố Roxas, Capiz, Tây Visayas với hỗ trợ từ Cơ quan chính quyền địa phương. Đây là một thực hành tốt cần được các chính quyền địa phương khác nhân rộng. Tuy nhiên, việc thực thi Luật và lồng ghép đầy đủ nội dung về BLPN và BLTE vẫn còn những thách thức. Hạn chế này được thể hiện ở cấp “barangay” (đơn vị hành chính nhỏ nhất của Philippines) nơi có Ban phụ trách BLPN&TE và Hội đồng Bảo vệ Trẻ em cấp barangay.	Phát triển Xã hội với đối tượng hướng đến bao gồm cả phụ nữ và trẻ em gái bị bạo lực, và Hướng dẫn thiết lập và quản lý hệ thống chuyển gửi các vụ BLPN ở cấp chính quyền địa phương của Ủy ban Phụ nữ Philippines và Hội đồng liên ngành Chống bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em. Với sự hỗ trợ của UNFPA, Chính phủ Philippines cam kết rà soát và thực hiện các chính sách để lồng ghép vào gói phúc lợi dịch vụ y tế thiết yếu của Bộ Y tế và Tập đoàn Bảo hiểm y tế Philippine các biện pháp can thiệp thiết yếu về Sức khỏe sinh sản và sức khỏe tình dục (SKSS/SKTD) và chống BLPN, bao gồm cả những biện pháp đáp ứng nhu cầu của thanh thiếu niên. Cũng với sự hỗ trợ của UNFPA, các cơ quan chính quyền địa phương sẽ xem xét kế hoạch phát triển cơ sở vật chất và nguồn nhân lực y tế cấp quốc gia/địa phương để giải quyết những khoảng trống trong việc cung cấp các dịch vụ SKSS/SKTD và chống BLPNTEG thiết yếu, cũng như trong việc cung cấp các dịch vụ quản lý ca về BLPNTEG nhạy cảm với thanh thiếu niên và lấy người bị bạo lực làm trung tâm thông qua nhân viên công tác xã hội. Ngoài ra, hệ thống dữ liệu hành chính về bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái đang được củng cố để đảm bảo thu thập dữ liệu lấy người bị bạo lực làm trung tâm, qua đó tăng cường công tác xây dựng chính sách dựa trên bằng chứng.	Trong hành động ứng phó nhân đạo, Philippines đã kích hoạt các Nhóm bảo vệ trẻ em quốc gia và địa phương, được người dân địa phương gọi là Nhóm công tác bảo vệ trẻ em. Ngoài ra còn có các Nhóm và tiểu nhóm phụ trách BLG ở cấp khu vực và địa phương. Hoạt động thực tiễn cho thấy các vấn đề về phụ nữ và trẻ em có mối liên hệ chặt chẽ với nhau, và ở cấp địa phương, những cán bộ cung cấp dịch vụ của chính phủ cần phục vụ cả hai đối tượng này, tức cả hai nhóm cần hoạt động song hành ở một số địa phương. Cả hai nhóm đều sử dụng một cơ chế chuyển gửi vụ việc BVTE/ BLG và đường dây nóng. Ban Bảo vệ Phụ nữ & Trẻ em của Cảnh sát Quốc gia Philippines và Đơn vị Bảo vệ Phụ nữ & Trẻ em của Bộ Y tế là những ví dụ về cách xử lý phối hợp các vụ BLPN và BLTE. Ở Nam Leyte, một trong những tỉnh bị ảnh hưởng bởi cơn bão Rai/Odette, các không gian thân thiện với trẻ em và phụ nữ được xây dựng gần nhau để hỗ trợ cung cấp các dịch vụ và lên lịch trình chăm sóc trẻ em và bà mẹ. Cả hai Nhóm cũng thúc đẩy nâng cao năng lực cho các nhóm đa ngành, những người được giao nhiệm vụ quản lý ca về BLPN/TE. Các nhóm đa ngành bao gồm các nhân viên công tác xã hội, cảnh sát nữ, bác sĩ và cán bộ tư pháp ở các thành phố và tỉnh. https://response.reliefweb.int/philippines/child-protection	Chương trình đào tạo trực tuyến của Mạng lưới Bảo vệ Trẻ em (CPN) dành cho các nhóm đa ngành và Khóa đào tạo Trực tuyến cấp Chứng chỉ Chuyên ngành Bảo vệ Phụ nữ & Trẻ em bao gồm một bài giảng về sự giao thoa giữa BLPN và BLTE. Đây là các chương trình đào tạo bắt buộc dành cho nhân viên của Cơ quan Bảo vệ Phụ nữ & Trẻ em (trung tâm can thiệp một cửa tại bệnh viện dành cho phụ nữ và trẻ em bị bạo lực). https://www.childprotectionnetwork.org/training-cpd-programs/

Các Quốc gia thành viên ASEAN	Các thực hành tốt về luật và chính sách hỗ trợ hoạt động công tác xã hội và cán bộ tuyến đầu (người cung cấp dịch vụ) nhằm giải quyết các vụ việc có liên hệ giữa BLPN và BLTE	Các quy trình, hướng dẫn hoặc công cụ hỗ trợ đảm bảo tính phối hợp và/hoặc tích hợp trong quản lý ca về BLPN và BLTE	Các thực hành tốt trong việc tăng cường lực lượng công tác xã hội hoặc mọi cán bộ tuyến đầu (người cung cấp dịch vụ) nhằm giải quyết các vụ việc có liên hệ giữa BLPN và BLTE và phòng ngừa, ứng phó với BLPN và BLTE	Các công cụ hoặc tài liệu nâng cao năng lực/tập huấn về BLPN và BLTE (bằng tiếng Anh hoặc (các) ngôn ngữ bản địa)
Philippines	Ngoài ra trong thực tiễn, với các ca về lạm dụng trẻ em, cán bộ quản lý ca sẽ tập trung vào cả gia đình người bị bạo lực, và nếu có trường hợp bạo lực gây ra bởi chồng/ bạn tình, các biện pháp can thiệp phù hợp sẽ được lên kế hoạch xây dựng. Tuy nhiên, khi trọng tâm của vụ việc là BLPN, trẻ em sẽ không nhận được can thiệp ngay lập tức trừ khi nạn nhân/người bị bạo lực được đưa đến nơi tạm trú. Ngoài ra cần lưu ý: Đạo luật chống bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em hay Luật CH 9262 là luật phòng, chống bạo lực gia đình của Philippines, áp dụng cho cả phụ nữ bị bạo lực và con của họ. Luật này đề cập đến lạm dụng thể chất, tình dục, tinh thần và kinh tế. Luật cũng quy định vai trò của nhân viên công tác xã hội trong việc nộp đơn thực hiện lệnh bảo vệ người bị hại (Mục 9d). Luật áp dụng đối với hành vi bạo lực do chồng/ bạn tình hiện tại hoặc trước đây của phụ nữ gây ra. Nội dung sâu hơn về BLPN/ BLG được đề cập trong Đại hiến chương (Magna Carta) về Phụ nữ (Luật CH 9710) và Đạo luật về Không gian An toàn (Luật CH 11313). Luật CH 9710 cung cấp định nghĩa rộng hơn về BLPN (không chỉ giới hạn người bạo lực là chồng/ bạn tình), đồng thời có điều khoản riêng về bảo vệ trẻ em gái (Mục 32) khỏi hành vi lạm dụng và bóc lột (Mục 32 b). Ngoài ra còn có Luật sửa đổi về chống hiếp dâm mới đây, thông qua Luật CH 11648 hoặc Đạo luật nâng độ tuổi đồng thuận quan hệ tình dục đã được ban hành, trong đó nhấn mạnh tính liên tục và liên thế hệ của BLPN.	https://www.empowerwomen.org/en/resources/ documents/2014/9/guidelines-in-the- establishment-and-management-of-a-referral-system-on-vaw-at-the-lgu-level?lang=en		

Các Quốc gia thành viên ASEAN	Các thực hành tốt về luật và chính sách hỗ trợ hoạt động công tác xã hội và cán bộ tuyến đầu (người cung cấp dịch vụ) nhằm giải quyết các vụ việc có liên hệ giữa BLPN và BLTE	Các quy trình, hướng dẫn hoặc công cụ hỗ trợ đảm bảo tính phối hợp và/hoặc tích hợp trong quản lý ca về BLPN và BLTE	Các thực hành tốt trong việc tăng cường lực lượng công tác xã hội hoặc mọi cán bộ tuyến đầu (người cung cấp dịch vụ) nhằm giải quyết các vụ việc có liên hệ giữa BLPN và BLTE và phòng ngừa, ứng phó với BLPN và BLTE	Các công cụ hoặc tài liệu nâng cao năng lực/tập huấn về BLPN và BLTE (bằng tiếng Anh hoặc (các) ngôn ngữ bản địa)
Philippines	(5) Đạo luật Cộng hòa số 7610 quy định biện pháp răn đe mạnh hơn và bảo vệ đặc biệt chống lại việc lạm dụng, bóc lột và phân biệt đối xử với trẻ em. (6) các luật đặc biệt khác về phụ nữ và trẻ em. Hội đồng địa phương về bảo vệ trẻ em và Ủy ban địa phương về chống buôn bán người và BLPNTE được thành lập theo luật về BVTE/ BLG. Mặc dù được quy định bởi các luật khác nhau, nhưng về mặt thành phần cơ cấu, các cơ quan này đều bao gồm cùng một nhóm cán bộ cung cấp dịch vụ; và trên thực tế, các tổ chức phối hợp liên ngành cấp địa phương này thường sẽ tổ chức các cuộc họp chung nhưng vẫn có nội dung riêng cho phụ nữ và trẻ em trong chương trình.			

Các Quốc gia thành viên ASEAN	Các thực hành tốt về luật và chính sách hỗ trợ hoạt động công tác xã hội và cán bộ tuyến đầu (người cung cấp dịch vụ) nhằm giải quyết các vụ việc có liên hệ giữa BLPN và BLTE	Các quy trình, hướng dẫn hoặc công cụ hỗ trợ đảm bảo tính phối hợp và/hoặc tích hợp trong quản lý ca về BLPN và BLTE	Các thực hành tốt trong việc tăng cường lực lượng công tác xã hội hoặc mọi cán bộ tuyến đầu (người cung cấp dịch vụ) nhằm giải quyết các vụ việc có liên hệ giữa BLPN và BLTE và phòng ngừa, ứng phó với BLPN và BLTE	Các công cụ hoặc tài liệu nâng cao năng lực/tập huấn về BLPN và BLTE (bằng tiếng Anh hoặc (các) ngôn ngữ bản địa)
Thái Lan	Khung pháp lý của Thái Lan về BLG và các tiêu chuẩn quốc tế có sự khác biệt về định nghĩa bạo lực, theo đó bạo lực tình dục trong gia đình bị lược bỏ trong luật về bạo lực gia đình của Thái Lan. Luật cũng có quan điểm trung lập về giới và không coi cụ thể vấn đề bất bình đẳng giới như nguyên nhân gốc rễ và hậu quả của BLPN và BLTE. Luật cũng ưu tiên xử lý vụ việc bạo lực thông qua hòa giải dựa trên việc tôn trọng và bảo vệ quyền của người bị bạo lực cũng như trách nhiệm của người gây bạo lực. Về chính sách, Thái Lan có các chính sách riêng về BLPN và BLTE. Thái Lan hiện đang trong quá trình xây dựng Kế hoạch Hành động Quốc gia về Bảo vệ trẻ em giai đoạn 2023-2027 và Kế hoạch Hành động Quốc gia về Phát triển phụ nữ giai đoạn 2023-2027. Thái Lan không có chính sách cấp quốc gia giải quyết vấn đề BLG theo nghĩa rộng hơn, tức là bao gồm cả bạo lực gây ra đối với người thuộc bất kỳ giới nào vì lý do bản dạng giới và/hoặc khuynh hướng tính dục của họ. Thay vào đó, chiến lược và kế hoạch hành động chính nhằm giải quyết BLG ở cấp quốc gia đã được xây dựng theo tiêu chí "sự phát triển của phụ nữ" và thu hẹp phạm vi bạo lực chỉ đối với phụ nữ. Ngoài khung chính sách chính, các biện pháp chống BLG khác cũng được đề cập trong kế hoạch hành động của từng cơ quan chính phủ. Một số chương trình và hoạt động của các cơ quan xử lý BLG được chuyển xuống cấp phòng ban hoặc đơn vị thấp hơn.	Các hoạt động ứng phó với BLPN và BLTE của Chính phủ Thái Lan trải rộng trên ba lĩnh vực chính là y tế, dịch vụ xã hội, công an - tư pháp. Phạm vi địa chính trị mà các dịch vụ này được cung cấp là khác nhau, trong đó ngành y tế có phạm vi bao phủ rộng nhất cả về số lượng các đơn vị cung cấp dịch vụ và số lượng nhân sự từ cấp trung ương đến cấp địa phương. Bộ Phát triển Xã hội và An ninh Con người là cơ quan chủ trì vận hành hệ thống ứng phó với BLPN và BLTE. Bộ sở hữu các đơn vị cung cấp dịch vụ từ cấp trug ương cho đến cấp tỉnh, nỗ lực không ngừng trong việc xây dựng các cơ chế địa phương nhằm ngăn chặn và cung cấp các biện pháp ứng phó ban đầu đối với các vụ việc bạo lực ở cấp địa phương. Một số cơ quan liên quan khác, ngoại trừ các cơ quan thuộc Bộ Phát triển Xã hội và An ninh Con người, không được giao nhiệm vụ rõ ràng về ứng phó với BLPN và BLTE. Điều này có nghĩa là các cơ quan này có thể không đảm bảo đủ ngân sách và nguồn nhân lực cần thiết để hoàn thành nhiệm vụ một cách hiệu quả. Các dịch vụ giải quyết các vụ việc có liên hệ giữa BLPN và BLTE ở Thái Lan được cung cấp thông qua hơn 7000 trung tâm xử lý khủng hoảng một cửa (OSCC) đặt tại mỗi bệnh viện tỉnh và huyện do Bộ Y tế Công cộng điều hành. Hơn nữa, Bộ Phát triển Xã hội và An ninh Con người còn điều hành 77 Nhà tạm trú cấp Tỉnh dành cho trẻ em và gia đình; 8 nơi tạm trú cho nạn nhân buôn người, bao gồm cả những người bị bóc lột tình dục; và đường dây nóng 1300. Trung tâm Bảo vệ Quyền Trẻ em,	Thái Lan vẫn chưa có một cơ chế phối hợp đa ngành chính thức và hiệu quả để ứng phó với BLPN và BLTE. Các hoạt động phối hợp diễn ra ở cấp địa phương thường dựa vào nỗ lực cá nhân và sự kết nối riêng rẽ giữa từng đơn vị cung cấp dịch vụ, khiến cho những nỗ lực phối hợp trở nên rời rạc và thiếu nhất quán. Ngoài ra, việc thực hiện công tác quản lý ca chưa được ưu tiên đầy đủ trong hệ thống ứng phó với BLPN và BLTE. Trong hệ thống chưa có vị trí "cán bộ quản lý ca" chính thức. Quản lý ca thường được thực hiện trên cơ sở tự nguyện và tự chỉ định, không có nhiệm vụ và thẩm quyền chính thức nào về quản lý ca liên ngành được giao phó. Các Biên bản ghi nhớ địa phương về vấn đề BLG đã được xây dựng ở Bangkok, Chiang Mai và Mae Sot (nhằm chấm dứt BLPN và BLTE, trong đó hướng tới cả đối tượng là phụ nữ lao động nhập cư và trẻ em gái nhập cư). Sáng kiến này được hỗ trợ bởi Chương trình Công bằng và An toàn của UN Women. Các Biên bản ghi nhớ địa phương về vấn đề BLG đã giúp hình thành các lực lượng chuyên trách về BLG (bao gồm các hệ thống xã hội, y tế và tư pháp) để ứng phó với BLPN và BLTE, đặc biệt diễn ra ở các cộng đồng di cư.	Cán bộ chủ chốt trong hoạt động ứng phó với BLTE là cán bộ có năng lực theo Đạo luật Bảo vệ Trẻ em 2003. Các cán bộ này phải tham gia hai tuần tập huấn và vượt qua kỳ thi để được cấp chứng chỉ cán bộ có năng lực. Tuy nhiên, do chưa có vị trí đảm bảo cho "cán bộ có năng lực" nên công việc này được coi là công việc kiêm nhiệm và cũng có tỷ lệ nghỉ việc cao. Đối với BLTE, tiêu chuẩn dịch vụ bảo vệ trẻ em dành cho cán bộ và nhân viên công tác xã hội có năng lực đã được xây dựng. Tuy nhiên, việc thực hiện còn hạn chế do thiếu cơ cấu giám sát phù hợp theo Bộ Phát triển Xã hội và An ninh Con người.

Các Quốc gia thành viên ASEAN	Các thực hành tốt về luật và chính sách hỗ trợ hoạt động công tác xã hội và cán bộ tuyến đầu (người cung cấp dịch vụ) nhằm giải quyết các vụ việc có liên hệ giữa BLPN và BLTE	Các quy trình, hướng dẫn hoặc công cụ hỗ trợ đảm bảo tính phối hợp và/hoặc tích hợp trong quản lý ca về BLPN và BLTE	Các thực hành tốt trong việc tăng cường lực lượng công tác xã hội hoặc mọi cán bộ tuyến đầu (người cung cấp dịch vụ) nhằm giải quyết các vụ việc có liên hệ giữa BLPN và BLTE và phòng ngừa, ứng phó với BLPN và BLTE	Các công cụ hoặc tài liệu nâng cao năng lực/tập huấn về BLPN và BLTE (bằng tiếng Anh hoặc (các) ngôn ngữ bản địa)
Thái Lan	Ngoài trung tâm xử lý khủng hoảng một cửa (OSCC), các dịch vụ giải quyết các vụ việc có liên hệ giữa BLPN và BLTE ở Thái Lan còn bao gồm Nhà tạm trú cấp tỉnh dành cho trẻ em và gia đình; Trung tâm công tố quốc gia bảo vệ trẻ em, thanh thiếu niên và gia đình; và Trung tâm Điều phối cho Trẻ em và Phụ nữ các tỉnh biên giới phía Nam. Cán bộ tuyến đầu có thể mở rộng phạm vi cung cấp dịch vụ của họ để giải quyết nhiều khía cạnh của bạo lực. Các cơ sở tạm trú cấp tỉnh dành cho trẻ em và gia đình, thuộc Bộ Phát triển Xã hội và An ninh Con người, cung cấp nơi tạm trú cho những người bị ảnh hưởng bởi BLPN và BLTE ở tất cả các tỉnh của Thái Lan. Trung tâm Công tố quốc gia về Bảo vệ Trẻ em, Thanh thiếu niên và Gia đình đã được thành lập tại một số Văn phòng công tố khu vực nhằm cung cấp tư vấn pháp lý có chuyên môn về BLTE và bạo lực gia đình. Trung tâm Điều phối cho Trẻ em và Phụ nữ các tỉnh biên giới phía Nam do Trung tâm Hành chính các tỉnh Biên giới phía Nam thành lập và phối hợp với mạng lưới các tổ chức phi chính phủ nhằm giải quyết những lo ngại về phụ nữ và trẻ em bị ảnh hưởng bởi bạo lực.	Thanh thiếu niên và Gia đình, thuộc Cục Tố tụng Gia đình và Người chưa thành niên, Văn phòng Bộ trưởng Tư pháp cùng với chín (9) Trung tâm Bảo vệ Quyền của Trẻ em, Thanh thiếu niên và Gia đình ở tất cả các Khu vực thuộc quản lý của Văn phòng Bộ trưởng Tư pháp cung cấp các dịch vụ tư pháp về BLPN và BLTE ở nhiều khía cạnh của bạo lực. Một đánh giá về cơ sở dữ liệu BLG hiện nay ở Thái Lan do UNICEF thực hiện vào năm 2021 cho thấy một số cơ quan chính phủ và tổ chức xã hội dân sự đã thu thập dữ liệu về bạo lực một cách có hệ thống và liên tục. Hầu hết dữ liệu này tập trung vào bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em. Tuy nhiên, các cơ quan này sử dụng các cấu trúc dữ liệu khác nhau và các phương pháp thu thập dữ liệu riêng biệt, khiến cho việc hợp nhất các cơ sở dữ liệu hiện có thành một hệ thống dữ liệu thống nhất cấp quốc gia về BLPN và BLTE là gần như không thể.		

Các Quốc gia thành viên ASEAN	Các thực hành tốt về luật và chính sách hỗ trợ hoạt động công tác xã hội và cán bộ tuyến đầu (người cung cấp dịch vụ) nhằm giải quyết các vụ việc có liên hệ giữa BLPN và BLTE	Các quy trình, hướng dẫn hoặc công cụ hỗ trợ đảm bảo tính phối hợp và/hoặc tích hợp trong quản lý ca về BLPN và BLTE	Các thực hành tốt trong việc tăng cường lực lượng công tác xã hội hoặc mọi cán bộ tuyến đầu (người cung cấp dịch vụ) nhằm giải quyết các vụ việc có liên hệ giữa BLPN và BLTE và phòng ngừa, ứng phó với BLPN và BLTE	Các công cụ hoặc tài liệu nâng cao năng lực/tập huấn về BLPN và BLTE (bằng tiếng Anh hoặc (các) ngôn ngữ bản địa)
Việt Nam	Phê duyệt cơ chế phối hợp liên ngành cấp quốc gia nhằm giải quyết bạo lực gia đình trong đó có BLPN và BLTE (Quyết định 21/2016/QĐ-TTg của Chính phủ); Nghị định 20/2021/NĐ-CP về trợ giúp xã hội đối với đối tượng an sinh xã hội của Chính phủ. Luật Trẻ em số 102/2016/QH13 quy định rõ ràng hệ thống bảo vệ trẻ em ba cấp độ với các dịch vụ phòng ngừa, ứng phó sớm và bảo vệ cho tất cả trẻ em ở Việt Nam. Nghị định 56/2017/NĐ-CP ban hành quy trình giải quyết vụ việc bảo vệ trẻ em. Luật Phòng chống Bạo lực Gia đình số 13/2022/QH15 quy định các dịch vụ phòng ngừa, hỗ trợ và bảo vệ nạn nhân bạo lực gia đình, bao gồm cả phụ nữ và trẻ em. Luật Phòng chống Mua bán người số 66/2011/QH12 quy định các dịch vụ phòng ngừa và ứng phó nạn buôn người, đối tượng hướng đến bao gồm cả phụ nữ và trẻ em. Pháp luật cũng hướng dẫn cụ thể cách phát hiện và xử lý hành vi mua bán người; tiếp nhận và bảo vệ nạn nhân buôn người; cung cấp các dịch vụ hỗ trợ và phục hồi cho nạn nhân. Việt Nam đang xây dựng luật công tác xã hội, hiện đang ở giai đoạn sửa đổi cuối cùng trước khi trình Quốc hội. Luật nhằm xác định vai trò và chức năng của nhân viên công tác xã hội trong các lĩnh vực phúc lợi, y tế, giáo dục và tư pháp.	Quy trình liên ngành về phòng ngừa và giải quyết các vấn đề bảo vệ trẻ em đã được ký giữa Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, Bộ Công an, Bộ Y tế, Bộ Giáo dục & Đào tạo nhằm thúc đẩy việc cung cấp các dịch vụ bảo vệ trẻ em có tính phối hợp và toàn diện tại Việt Nam. Thông tư liên ngành được ký giữa Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao, Tòa án Nhân dân Tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng và Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội đã xác định trách nhiệm của mỗi bên và các thủ tục tố tụng hình sự đối với vụ việc xâm hại tình dục trẻ em. Với sự hỗ trợ của UNFPA, các trung tâm dịch vụ một cửa đang được các cơ quan Nhà nước ở Việt Nam thể chế hóa để cung cấp các dịch vụ tích hợp, bao gồm dịch vụ chăm sóc sức khỏe và tâm lý, dịch vụ xã hội, dịch vụ bảo vệ của cơ quan công an và tư vấn pháp lý cho phụ nữ và trẻ em gái bị bạo lực, phù hợp với hướng dẫn về Gói dịch vụ thiết yếu của Liên hợp quốc.	Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội đã ban hành Thông tư 26/2022/TT-BLĐTBXH quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề ng-hiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành công tác xã hội ở ba cấp bậc i) công tác xã hội viên chính, ii) công tác xã hội viên, iii) nhân viên công tác xã hội. Bộ Y tế ban hành Thông tư 03/2023 quy định vị trí việc làm, định mức số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp y tế công lập. Các thông tư khác quy định về dịch vụ công tác xã hội trong bệnh viện của Bộ Y tế, 2015: và trong trường học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018 Chương trình quốc gia Đổi mới, phát triển trợ giúp xã hội giai đoạn 2017-2025, phấn đấu đạt tỷ lệ 1 nhân viên công tác xã hội chuyên trách trên 5.000 dân. Tuyên bố Hà Nội về Thúc đẩy công tác xã hội hướng đến một Cộng đồng ASEAN gắn kết và chủ động thích ứng, năm 2020 và lộ trình năm 2021. Công tác xã hội được công nhận là một chuyên ngành học ở trình độ Cử nhân và Cao đẳng vào năm 2004. Số lượng cơ sở Giáo dục & Đào tạo có ngành học Công tác xã hội tăng từ 2 (năm 2004) lên 34 cơ sở hiện nay (7 cơ sở đào tạo Thạc sĩ và 2 cơ sở đào tạo Tiến sĩ). Mỗi năm tuyển 2.000 sinh viên và 10.000 nhân viên cung cấp dịch vụ xã hội được đào tạo tại chức.	Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội đã xây dựng các tài liệu đào tạo về quản lý ca bảo vệ trẻ em, chăm sóc thay thế cho trẻ em, chăm sóc trẻ em tại trung tâm an sinh xã hội, chăm sóc người khuyết tật và người nhiễm HIV/AIDS. Bộ cũng tổ chức tập huấn để giúp các cán bộ phúc lợi và bảo vệ trẻ em áp dụng kiến thức và kỹ năng được đào tạo vào thực tế. UNICEF hỗ trợ Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội và các trường Đại học xây dựng 20 học phần trong chương trình đào tạo tại chức về công tác xã hội cho nhân viên công tác xã hội và quản lý hoạt động trong ngành phúc lợi xã hội. Các mô-đun bao gồm Chăm sóc sức khỏe tâm thần cho phụ nữ và trẻ em, Công tác xã hội với phòng chống bạo lực gia đình và Quản lý ca cho đối tượng dễ bị tổn thương, trọng tâm là trẻ em và phụ nữ. UNICEF hỗ trợ Đại học Sư phạm Hà Nội, Đại học Lao động Xã hội, Đại học Khoa học - Xã hội và Nhân văn và các trường đại học khác xây dựng các khóa học về quyền trẻ em, bảo vệ trẻ em và lồng ghép các khóa học này vào Chương trình đào tạo Cử nhân ngành Công tác Xã hội. Giáo trình đào tạo hiện nay cho nhân viên công tác xã hội bao gồm nội dung cung cấp các dịch vụ hỗ trợ cho đối tượng an sinh xã hội, gồm phụ nữ và trẻ em bị bạo lực.

Các Quốc gia thành viên ASEAN	Các thực hành tốt về luật và chính sách hỗ trợ hoạt động công tác xã hội và cán bộ tuyến đầu (người cung cấp dịch vụ) nhằm giải quyết các vụ việc có liên hệ giữa BLPN và BLTE	Các quy trình, hướng dẫn hoặc công cụ hỗ trợ đảm bảo tính phối hợp và/hoặc tích hợp trong quản lý ca về BLPN và BLTE	Các thực hành tốt trong việc tăng cường lực lượng công tác xã hội hoặc mọi cán bộ tuyến đầu (người cung cấp dịch vụ) nhằm giải quyết các vụ việc có liên hệ giữa BLPN và BLTE và phòng ngừa, ứng phó với BLPN và BLTE	Các công cụ hoặc tài liệu nâng cao năng lực/tập huấn về BLPN và BLTE (bằng tiếng Anh hoặc (các) ngôn ngữ bản địa)
	Việt Nam cũng đã ban hành chương trình quốc gia về phát triển công tác xã hội giai đoạn 2021-2030 với mục tiêu tăng cường khung pháp lý, hệ thống dịch vụ công tác xã hội và lực lượng công tác xã hội nhằm đáp ứng toàn diện nhu cầu về phúc lợi xã hội, y tế, giáo dục và tư pháp của những người dễ bị tổn thương, bao gồm cả phụ nữ và trẻ em. Chương trình quốc gia phòng chống tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống giai đoạn 2015-2025 đặt ra mục tiêu nâng cao hiểu biết của người dân tộc thiểu số, đặc biệt phụ nữ và thanh thiếu niên, về giảm thiểu tỷ lệ kết hôn trẻ em và hôn nhân cận huyết thống. Chương trình quốc gia cũng nhấn mạnh việc thực hiện các biện pháp ngăn chặn vấn đề này. Bộ Y tế ban hành Thông tư 24/2017/TT-BYT về tiếp nhận, chăm sóc y tế với người bệnh là nạn nhân bạo lực gia đình tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh ở Việt Nam. Thông tư trình bày quy trình tiếp nhận, giám định và chăm sóc y tế cũng như chăm sóc tâm lý xã hội cho các nạn nhân, bao gồm cả phụ nữ và trẻ em.		Hệ thống dịch vụ công tác xã hội đã được thành lập tại 425 trung tâm an sinh xã hội dành cho đối tượng dễ bị tổn thương; ở 100% bệnh viện tuyến trung ương và tuyến tỉnh; 90% bệnh viện tuyến huyện; và ở 2/3 trường THCS, THPT của Việt Nam. Giáo trình đào tạo hiện nay cho nhân viên công tác xã hội bao gồm nội dung cung cấp các dịch vụ hỗ trợ cho đối tượng an sinh xã hội, gồm phụ nữ và trẻ em bị bạo lực.	

UN Women đã xây dựng một chuỗi các khóa đào tạo trực tuyến về các chủ đề liên quan: https://portal.trainingcentre.unwomen.org

- Tôi biết về Giới 6: Bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái
- Tìm hiểu về Tính nam và bạo lực đối với phụ nữ, trẻ em gái
- Hiểu về bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái

ASEAN: CỘNG ĐỒNG VỚI NHỮNG CƠ HỘI CHO TẤT CẢ MỌI NGƯỜI

Theo dõi chúng tôi tại:

Chính sách riêng tư | Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm